

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	2
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	4
5. Bố cục bài khóa luận.....	4
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHẬT GIÁO TẠI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN VÀ HỆ THỐNG CHÙA VIỆT NAM	5
1.1. Vài nét về đạo Phật ở Việt Nam	5
1.1.1. Sự ra đời và phát triển của đạo Phật.....	5
1.1.2. Giáo lý đạo Phật	7
1.1.3. Quan niệm của Phật giáo.....	8
1.1.4. Quá trình du nhập và phát triển Phật giáo ở Việt Nam.....	10
1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn	12
1.2.1. Khái niệm	12
1.2.2. Đặc điểm.....	12
1.2.3. Phân loại.....	13
1.3. Chùa ở Việt Nam	14
1.3.1. Cấu trúc và Kiến trúc chùa ở Việt Nam	14
1.3.2. Các tượng Phật trong chùa Việt Nam.....	18
1.3.3. Giá trị lịch sử, kiến trúc văn hóa	25
Tiểu kết chương 1	26
CHƯƠNG 2: KHAI THÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HÓA CỦA HỆ THỐNG CHÙA TẠI THỦY NGUYÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH	27
2.1. Giới thiệu khái quát về huyện Thủy Nguyên.....	27
2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch thiên nhiên	27
2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn.....	32
2.2. Đặc điểm hệ thống chùa tại Thủy Nguyên	35
2.2.1. Cách bố trí tượng thờ.....	36

2.2.2.	Kiến trúc chùa	37
2.3.	Một số ngôi chùa tại Thủy Nguyên	40
2.3.1.	Chùa Mỹ Cù.....	41
2.3.2.	Chùa Thiểm Khê (Chùa Hoa Linh).....	45
2.3.3.	Chùa Hoàng Pha.....	49
2.3.4.	Chùa Nhân Lý.....	52
2.3.5.	Chùa Phù Lưu.....	54
2.3.6.	Chùa Mai Động.....	56
2.4.	Giá trị của Chùa tại Thủy Nguyên.....	57
2.4.1.	Giá trị lịch sử	57
2.4.2.	Giá trị cộng đồng	59
2.4.3.	Giá trị tâm linh	60
2.4.4.	Giá trị văn hóa	60
2.5.	Thực trạng hoạt động du lịch tại hệ thống Thủy Nguyên	61
2.5.1.	Thực trạng hoạt động du lịch.....	61
2.5.2.	Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	62
2.5.3.	Công tác quản lí và tổ chức khai thác	63
2.5.4.	Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.....	64
2.5.5.	Khách tham quan du lịch	65
2.5.6.	Tổng kết đánh giá thuận lợi khó khăn đang tồn tại.....	65
	Tiểu kết chương 2	68
	CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC CÓ HIỆU QUẢ GIÁ TRỊ VĂN HÓA, LỊCH SỬ CỦA HỆ THỐNG CHÙA THỦY NGUYÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....	69
3.1.	Những giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả giá trị văn hóa lịch sử của hệ thống chùa Thủy Nguyên phục vụ cho việc phát triển du lịch.....	69
3.1.1.	Giải pháp bảo tồn, tôn tạo di tích	69
3.1.2.	Thu hút vốn đầu tư.....	70
3.1.3.	Xây dựng các chế tài các quy định cụ thể đối với du khách và dân cư sở tại.....	70
3.1.4.	Giải pháp về xúc tiến tuyên truyền quảng bá.....	71
3.1.5.	Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực.....	72

3.1.6. Tổ chức các hoạt động xã hội hóa.....	72
3.2. Những đề xuất kiến nghị với các ban ngành nhằm bảo tồn và khai thác một cách có hiệu quả nhất các giá trị của hệ thống chùa Thủy Nguyên phục vụ hoạt động du lịch.	73
3.2.1. Đối với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hải Phòng.....	73
3.2.2. Đối với Phòng Văn hóa Thể thao và Du lịch huyện Thủy Nguyên	74
3.3. Xây dựng tour du lịch văn hóa Thủy Nguyên.....	74
Tiểu kết Chương 3.....	76
KẾT LUẬN.....	76
PHỤ LỤC.....	78

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian 4 năm được ngồi trên ghế giảng đường trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã để lại trong em thật nhiều kỉ niệm. Đối với một sinh viên năm cuối được làm khóa luận là một niềm vinh dự rất lớn, có được kết quả như ngày hôm nay em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô giáo trong khoa Văn hóa du lịch trường ĐHDL Hải Phòng.

Đặc biệt em muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc tới ThS Đào Thị Thanh Mai - Người đã trực tiếp hướng dẫn chỉ bảo và giúp đỡ tận tình trong suốt thời gian em làm khoá luận này.

Em cũng xin cảm ơn Sở văn hoá thông tin Hải Phòng, UBND huyện Thuỷ Nguyên, Phòng văn hoá thông tin huyện Thuỷ Nguyên, Ban quản lý các di tích đã cung cấp tài liệu để em hoàn thành khoá luận này.

Do thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và kiến thức còn hạn chế nên bài viết không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong được sự cảm thông và góp ý của các thầy cô để bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

Em xin trân trọng cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Minh Thành

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Văn hoá làng xã có một vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển nền văn hoá dân tộc. Chùa lại là nhân tố phổ biến góp phần tạo nên hệ thống văn hoá làng xã truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Những ngôi chùa như một phần không thể thiếu trong bức tranh về làng quê chúng ta xưa và nay.

Việt Nam là nước nông nghiệp nên hệ thống chùa luôn gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của mỗi người dân nông thôn. Nó không chỉ có vị trí đặc biệt trong văn hoá làng mà còn tác động sâu sắc, toàn diện đến nhiều mặt của xã hội cổ truyền. Chùa với người Việt không chỉ là không gian tôn giáo, nơi phục vụ các hoạt động thờ cúng, tâm linh mà còn là một nơi sinh hoạt cộng đồng, là nơi in dấu những thiết chế lâu đời. Dân gian có câu “đất vua - chùa làng - phong cảnh bụi” là vì thế. Do vậy, đã từ lâu chủ đề này trở thành đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội.

Từ lâu hệ thống chùa Việt Nam nói chung và hệ thống chùa ở vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng đã được các nhà nghiên cứu đề cập đến. Tuy nhiên, tìm hiểu đề tài này ở một địa phương cụ thể thì chưa có nhiều, nhất là nghiên cứu để khai thác các giá trị văn hóa của chùa để phục vụ việc phát triển du lịch lại càng ít hơn.

Thủy Nguyên là huyện nằm ở phía Bắc thành phố Hải Phòng với thế mạnh về địa lý với tư cách là một huyện ven đô liền kề nội thành Hải Phòng, đây được xem là chiếc cầu nối giữa Hải Phòng với thành phố Hạ Long, cửa khẩu quốc tế Móng Cái và các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Với các trục giao thông bộ, thủy quan trọng chạy qua như quốc lộ 10, sông Cửa Cấm, sông Bạch Đằng... từ Thủy Nguyên có thể tỏa đi các tỉnh đồng bằng sông Hồng, các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, các tỉnh phía Nam và các nước trong khu vực tương đối thuận lợi. Điều này đưa đến cho Thủy Nguyên những lợi thế đặc biệt trong phát triển kinh tế xã hội nói chung và hoạt động du lịch nói riêng. Đặc biệt với hệ thống chùa

vô cùng phong phú đa dạng gồm 99 ngôi chùa nếu biết cách phát huy để phục vụ du lịch tôn giáo tín ngưỡng thì nó sẽ đem lại hiệu quả to lớn trên nhiều phương diện cho huyện thủy nguyên. Thứ nhất đây chính là nhân tố đưa du lịch Thủy Nguyên lên một tầm cao mới ,thứ hai nâng cao kinh tế của huyện ,thứ ba làm đa dạng thêm các loại hình du lịch vốn có.

Chính vì các lý do trên nên người viết đã chọn đề tài “Khai thác giá trị hệ thống chùa Thủy Nguyên phục vụ phát triển du lịch” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình. Qua khóa luận tốt nghiệp của mình người viết mong muốn góp 1 phần công sức nhỏ bé vào việc phát triển du lịch Thủy Nguyên nói riêng và du lịch Hải Phòng quê hương nói chung. Góp thêm những hiểu biết về giá trị to lớn của hệ thống chùa Thủy Nguyên đối với du lịch.

2. Mục đích nghiên cứu

- Tìm hiểu các giá trị văn hóa lịch sử của các chùa tại huyện Thủy Nguyên đánh giá hiện trạng phát triển du lịch tại các điểm này.
- Đề xuất một số giải pháp về việc khai thác một cách có hiệu quả các giá trị lịch sử, văn hóa hệ thống chùa tại Thủy Nguyên để đẩy mạnh phát triển du lịch tại đây.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các ngôi chùa tại huyện Thủy Nguyên với các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể

Khai thác giá trị văn hóa của các di tích lịch sử văn hóa (cụ thể ở đây là các ngôi chùa tại Thủy Nguyên) đây là một phạm vi rộng lớn đòi hỏi bỏ nhiều thời gian, công sức, điều kiện kinh tế cũng như trình độ nghiên cứu .Ở đây người viết lần đầu tiên tham gia nghiên cứu cho nên khóa luận chỉ giới hạn “**Khai thác giá trị hệ thống chùa tại Thủy Nguyên phục vụ phát triển du lịch**”

Vì số lượng chùa tại Thủy Nguyên là rất lớn (gồm 99 ngôi chùa) vì vậy người viết sẽ hướng nghiên cứu đến những ngôi chùa sau: Chùa Mỹ Cự ngôi chùa cổ nhất Hải Phòng, Chùa Nhân Lý ngôi chùa thuộc thiên phái Trúc Lâm do

vua Trần Nhân Tông sáng lập, Chùa Phù Lư, Chùa Thiêm Khê, Chùa Hoàng Pha. Đây đều là những ngôi chùa lớn nổi bật với nét kiến trúc độc đáo và lịch sử lâu đời.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài này thuộc lĩnh vực nghiên cứu Khoa học xã hội nhân văn cho nên được áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu: Người viết thu thập các tài liệu qua các tác phẩm, qua các website, qua sách báo. Từ đó tổng hợp lại các thông tin và viết bài
- Phương pháp điền dã: Trực tiếp đến địa điểm nghiên cứu: Tiếp xúc trực tiếp khảo sát đối tượng nghiên cứu là các ngôi chùa tại huyện Thủy Nguyên, trao đổi trực tiếp với những người có hiểu biết về di tích.
- Phương pháp đối chiếu so sánh để khắc họa giá trị đặc trưng của các ngôi chùa này.

5. Bố cục bài khóa luận

Ngoài phần Mở đầu, phần Kết luận, phần Nội dung của khóa luận được chia thành 3 chương.

Chương 1: Tổng quan về Phật giáo tài nguyên du lịch nhân văn và hệ thống chùa tại Việt Nam.

Chương 2: Khai thác giá trị lịch sử văn hóa của hệ thống chùa tại Thủy Nguyên phục vụ phát triển du lịch.

Chương 3: Đề xuất một số kiến nghị và giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả giá trị văn hóa, lịch sử của hệ thống chùa Thủy Nguyên phục vụ phát triển du lịch.

Ngoài ra trong khóa luận còn có các phần: Tài liệu tham khảo, Phụ lục và Mục lục.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHẬT GIÁO TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN VÀ HỆ THỐNG CHÙA VIỆT NAM

1.1. Vài nét về đạo Phật ở Việt Nam

Phật Giáo du nhập vào Việt Nam từ đầu Công nguyên đã được Việt hóa và có sức sống vô cùng mạnh mẽ trong đời sống tinh thần của nhân dân. Đã có thời kì Phật giáo là quốc giáo và quốc học. Phật giáo đã góp phần củng cố ý thức độc lập tự chủ của dân tộc qua nhiều thời kì lịch sử ở nước ta, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam phong phú và đậm đà bản sắc dân tộc.[10,5]

1.1.1. Sự ra đời và phát triển của đạo Phật

Đạo Phật ở Ấn Độ. Lịch sử Ấn Độ chia làm 3 thời kỳ:

Thời kì văn hóa Ha-ra-pa, còn gọi là nền văn minh sông Ấn, vào khoảng thiên niên kỷ thứ III, II TCN.

Thời kì Vệ-đà, vào khoảng thiên niên kỷ thứ II, I TCN, với sự hình thành đạo Bà-la-môn.

Thời kì Ấn Độ cổ đại, khoảng giữa thiên niên kỷ thứ I trước công nguyên đến thế kỉ thứ III sau công nguyên với sự xuất hiện của đạo Phật.

Sau khi hình thành đạo Bà-la-môn vào khoảng thiên niên kỷ thứ I trước công nguyên ở Ấn Độ, lực lượng sản xuất phát triển nhanh, sự phân hóa giai cấp và mâu thuẫn giai cấp trong xã hội ngày càng gay gắt. Đạo Bà-la-môn thời kì này phát triển cực thịnh cả về tôn giáo lẫn vị trí chính trị xã hội. Đạo này trở thành vũ khí quan trọng trong việc củng cố và bảo vệ chế độ phân chia đẳng cấp, còn gọi là chế độ Vác-ca. Chế độ này chia dân cư thành 4 đẳng cấp:

- Đẳng cấp thứ nhất gồm các tầng lữ, quý tộc.
- Đẳng cấp thứ hai gồm có vua, quan cai trị.
- Đẳng cấp thứ ba là những người thợ thủ công và dân tự do.
- Đẳng cấp thứ tư là những người vô sản, nô lệ (chiếm đa số).

Đạo Bà-la-môn cho rằng, sự phân chia đẳng cấp trong xã hội là ý chí của Thượng đế. Sự phân biệt đẳng cấp thể hiện ở nhiều mặt: không chỉ về quyền lợi kinh tế, địa vị xã hội mà cả trong quan hệ giao tiếp, sinh hoạt tôn giáo. Ba đẳng cấp trên phối hợp với nhau cùng trở thành giai cấp bóc lột và thống trị trong xã hội, trong đó nổi bật là những đặc quyền đặc lợi của đẳng cấp tăng lữ (Bà-la-môn). Đẳng cấp thứ tư ở địa vị cuối cùng của xã hội, làm nô lệ cho ba đẳng cấp trên.

Chính từ sự phân chia đẳng cấp như vậy nên tầng lớp đa số trong xã hội oán ghét chế độ đẳng cấp. Thời đó, ở Ấn Độ xuất hiện nhiều trào lưu tư tưởng thuộc các xu hướng khác nhau, phản ánh sự bất bình của quần chúng lao động đối với chế độ đẳng cấp hà khắc và quyền uy độc đoán của đẳng cấp bóc lột, thống trị.

Theo truyền thuyết cùng các sách viết về Phật giáo lưu hành ở Việt Nam và một số tư liệu của các nhà nghiên cứu Phật giáo thì: Đạo Phật được hình thành ở Ấn Độ mà người sáng lập là Thái tử Cồ Đàm Tất-đạt-đa vào khoảng thế kỉ thứ V trước công nguyên. Đức Phật là con vua Tịnh Phạm thuộc bộ tộc Thích Ca (trị vì vương quốc nhỏ là Ca-ty-la-vệ) ở phía bắc xứ Ấn Độ, gần núi Hy Mã Lạp Sơn (nay thuộc nước Neepan). Ông sinh ngày mùng 8 tháng tư âm lịch (các sách viết về lịch sử Phật Thích Ca Mâu Ni thì đức Phật sinh ngày trăng tròn, tháng Vaishkha, tức ngày 30 tháng 2 âm lịch Ấn Độ, tức ngày 15 tháng tư âm lịch Trung Hoa và Việt Nam. Khi các nhà sư Ấn Độ truyền bá đạo Phật sang Trung Hoa đã tính ngày trăng tròn đó là ngày 8 tháng tư âm lịch).

Ngài sinh vào năm 563 trước công nguyên và mất khoảng năm 438 trước công nguyên, thọ 80 tuổi. Thân mẫu ngài mang họ Thích Ca, nên sau gọi là Thích Ca Mâu Ni Phật. Lúc sơ sinh người được đặt tên là Tất-đạt-đa. Thái tử Tất-đạt-đa mới chào đời được 7 ngày thì mẹ là hoàng hậu Ma-gia tạ thế, em bà là Ma Ha Ba Xà Đề thay chị nuôi dưỡng thái tử khi khôn lớn.

Thấy cảnh phân chia đẳng cấp và kì thị màu da, với nỗi thống khổ cùng cực của con người, ngài đã hết sức buồn phiền, ngài đã quyết định từ bỏ đạo Bà-la-

môn quyết chí bỏ nhà đi tu hành, tìm con đường giải thoát cho loài người khỏi mọi đau khổ trên đời. Cuối cùng ngài đã ngộ ra chân lý và đắc đạo thành Phật với hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật bên dưới gốc cây pipai (bồ đề).

Trong suốt 49 năm sau khi thành Phật-Bụt, ngài đã đi khắp lưu vực sông Hằng và nhiều nơi khác để truyền bá tư tưởng của ngài nhằm giáo hóa chúng sinh. Ngài không phân biệt sang hèn, chủng tộc chỉ mong giải thoát khổ cho mọi người. từ đó Đạo Phật đã nhanh chóng được truyền khắp các nước xung quanh Ấn Độ, rồi khắp châu Á

Giáo lý của Phật giáo sâu sắc, hấp dẫn, nêu lên khả năng chế ngự dục vọng, vai trò tự giải thoát của con người, sự bình đẳng giữa con người và con người, luật lệ, lễ nghi đơn giản, không rườm rà, tốn kém... nên được đông đảo quần chúng, nhất là nhân dân lao động tin theo

Hiện nay, Phật giáo có khoảng trên 300 triệu người, tập trung ở các nước Châu Á. Trong mấy thập niên gần đây, Phật giáo còn được truyền sang một số nước Châu Âu và Bắc Mỹ.

1.1.2. Giáo lý đạo Phật

Gốc là Tam tạng kinh điển. Gồm 3 loại: Kinh-Luật-Luận.

Kinh tạng là những sách ghi những lời Phật Thích Ca giảng về giáo lý.

Kinh tạng gồm 5 bộ lớn:

- Trường bộ kinh
- Trung bộ kinh
- Tương ưng bộ kinh
- Tăng bộ kinh
- Tiểu bộ kinh

Phật giáo Đại thừa gọi 5 bộ kinh nói trên bằng cái tên khác: Trường A hàm, Trung A hàm, Trung nhất A hàm, Tăng nhất A hàm, Tạp A hàm, Tiểu A hàm...

Luật tạng là sách ghi những giới luật do Phật chế định làm khuôn phép cho việc sinh hoạt, tu học của đệ tử, nhất là đối với những người xuất gia tu hành.

Luận tạng là những sách được các vị Bồ Tát xây dựng sau khi Phật Thích Ca nhập diệt, nhằm mục đích giới thiệu giáo lý Phật giáo một cách có hệ thống, phê bình, uốn nắn những nhận thức sai trái cũng như chống lại những đả kích, xuyên tạc khác về giáo thuyết Phật giáo.

1.1.3. Quan niệm của Phật giáo

Quan niệm về thế giới và con người của Phật giáo có hệ thống và mang tính triết học sâu sắc.

Quan niệm về thế giới: Phật giáo cho rằng, thế giới là thế giới vật chất luôn chuyển động và biến đổi vô thủy, vô chung, không có sự bắt đầu, không có sự kết thúc. Sự biến đổi của thế giới, sinh diệt của sự vật, hiện tượng không phải do phép từ bên ngoài, mà là tự nó. Sách Phật gọi là : “Tự ki nhân quả”. Sự vật, hiện tượng mà con người nhận biết qua thần sắc chỉ là giả tam, không có thực tướng. Hay nói cách khác, đối với con người, thế giới khách quan đang tồn tại hư ảnh, không có thực.

Phật giáo cũng đưa quan niệm về không gian . Phật giáo cho rằng thời gian là vô cùng, không gian là vô tận. Chỉ khi xét riêng cho từng sự vật, hiện tượng Phật giáo mới nhìn thấy giới hạn thời gian và không gian, tức là có khởi đầu, có kết thúc.

Quan niệm về con người: Phật giáo cho rằng con người không phải do thượng đế hay một đấng thiêng liêng nào sinh ra.

Con người là sự kết hợp của ngũ uẩn: sắc, thụ, tưởng, hành, thức.

Phần sinh lý “sắc uẩn “ là thần sắc, hình tướng được tạo bởi 4 yếu tố vật chất:

- Đất tạo phần cứng: xương, tóc, lục phủ, ngũ tạng.
- Nước tạo máu, mật mồ hôi...

- Hỏa tạo thân nhiệt.
- Gió tạo hơi thở, hơi khí trong cơ thể.

Phần tâm lý gồm: “thụ uẩn”, “tưởng uẩn”, “hành uẩn”, “thức uẩn” được biểu hiện bằng: ái, ó, nộ, hi, lạc, ai, dục.

Khi ngũ uẩn kết hợp lại thì gọi là sinh, khi ngũ uẩn tan rã thì gọi là diệt. Do đó con người chỉ là giả tướng, không có thật.

Phật giáo cho rằng khi con người chết là có linh hồn bất tử, tiếp tục đầu thai vào kiếp khác.

Con đường cứu khổ: Là học thuyết cơ bản của giáo lý Phật giáo. Sách Phật quy vào “Tứ diệu đế” hay “Tứ thánh đế”: khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế.

Khổ đế: Là chân lý nói về sự khổ hạnh của đời người Phật giáo cho rằng “Đời là bể khổ”. Sinh ra, già yếu, ốm đau rồi chết đều là khổ; mong ước không đạt là khổ; phải xa lìa người mà mình thương yêu là khổ; phải sống với người xấu mà mình không ưa cũng là khổ...

Tập đế: Là chân lý nói về nguyên nhân tạo ra sự khổ. Nguyên nhân của sự khổ đâu là do “thập nhị nhân duyên”: Vô minh, hành thức, danh sắc, lục nhập, xúc thụ, ái, thục, hữu, sinh, lão, tử.

Diệt đế: Là chân lý để rời xa khổ hạnh. Muốn diệt khổ phải đi ngược lại sự vận động của thập nhị nhân duyên, bắt đầu từ diệt trừ vô minh. Khi nào vô minh bị diệt, trí tuệ bừng sáng, không còn tham dục thì con người mới thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Đạo đế: Là chân lý nói về con đường phải theo. Ngoài việc lấy trí tuệ diệt trừ vô minh, Phật giáo còn chủ trương tập diệt trừ tham dục.

Bát chính đạo: Tám con đường tu hành.

- Thẳng thắn, không làm điều sai trái.

- Hành động chân chính.
- Tránh xa việc ác, làm việc thiện.
- Sống bằng nghề nghiệp chân chính.
- Luôn nghĩ về chính pháp, gạt bỏ những suy nghĩ sai lầm.
- Có quan niệm chân chính về đạo, có niềm tin vào sự giải thoát.
- Suy nghĩ chân chính, nhất là ý nghĩa chân chính của Tứ diệu đế.

Tam học là: Giới, Định, Tuệ.

- Giới: Là những điều răn cấm, những quy định giúp cho con người tu hành không phạm lỗi lầm.
- Định: Là phương pháp giúp cho người tu hành không tán loạn thân tâm, loại trừ ý nghĩ xấu.
- Tuệ: Là những người loại trừ được vô minh, tham dục, chỉ làm điều thiện, mưu lợi ích cho chúng sinh.

1.1.4. Quá trình du nhập và phát triển Phật giáo ở Việt Nam

Đạo Phật từ Ấn Độ được truyền sang Việt Nam vào những năm đầu Công nguyên, do các tăng sĩ và thương gia Ấn Độ đến Việt Nam bằng đường biển. Khi đạo Phật phát triển thì trung tâm Phật giáo sớm nhất ở nước ta là Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh).

Thời đó tại Giao Châu có một người Trung Hoa tên là Mâu Báo (còn gọi là Mâu Tử), sinh vào khoảng 165-170 chạy sang Việt Nam lánh nạn, do từ chối làm quan với thái tử Sĩ Nhiếp, đã học Đạo Phật cùng tiếng Phạn với các nhà sư Ấn Độ và tinh thông Phật Pháp. Ông đã viết cuốn sách Lý Hoặc Luận (bàn về cách xử lý những điều mê hoặc, sai lầm) gồm 37 câu hỏi và đáp giới thiệu đạo Phật. Sách cũng cho biết, đạo Phật ở Giao Châu được trực tiếp truyền từ Ấn Độ sang chứ không phải từ Trung Hoa sang.

Trong quá trình phát triển của đạo Phật, đã phân chia ra làm hai phái: Phái Tiểu Thừa và phái Đại Thừa. Tiểu thừa có nghĩa là cỗ xe nhỏ, ngụ ý chỉ chở một người. Phái Tiểu Thừa chủ trương tuân theo những giáo lý Phật Thích Ca Mâu Ni giữ nghiêm giáo luật, Phật tử chỉ thờ Phật Thích Ca Mâu Ni và chỉ giác ngộ cho bản thân mình. Phái Tiểu Thừa phát triển xuống phía Nam như Srylanca, Thái Lan, Đông Nam Á, nên được gọi là Nam Tông.

Phái Đại Thừa nghĩa là cỗ xe lớn. Ngụ ý chở được nhiều người. Phái Đại thừa chủ trương không câu nệ, dập khuôn theo giáo lý, rộng rãi trong việc thực hiện giáo luật, thu nạp tất cả những ai muốn quy y, giác ngộ, thờ nhiều Phật kể các Bồ Tát. Phái Đại Thừa phát triển lên phương Bắc như Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản... nên còn gọi là Bắc Tông.

Đạo Phật được truyền Việt Nam đầu tiên và trực tiếp từ Ấn Độ, do đó đạo Phật ở Việt Nam ban đầu là Tiểu Thừa- Nam Tông. Sau này, khi các thiền sư Trung Hoa sang truyền đạo Phật ở Việt Nam mang theo màu sắc Đại Thừa, dần dần Đại Thừa chiếm ưu thế.

Đạo Phật truyền vào Việt Nam thì tín ngưỡng của nhân dân ta lúc đó là đa thần giáo: thần Sấm, thần Sét, thần Mây, thần Mưa, thần Núi, thần Sông, thần Cây đa, thần ông Táo... Đạo Phật dung hợp với tín ngưỡng bản địa nên được người dân tiếp thu một cách dễ dàng. Thuyết “Nhân quả”, “Nghiệp báo” lại phù hợp với quan niệm ông trời trừng phạt kẻ ác, cứu giúp người hiền lành. Thuyết “Luân hồi” phù hợp với quan niệm về linh hồn tồn tại sau khi thể xác đã tan biến đối với người đã qua đời...[9;25]

Đạo Phật khi vào Việt Nam cũng bao gồm 3 tông phái:

- Thiên Tông
- Mật Tông
- Tịnh Độ Tông.

1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

1.2.1. Khái niệm

Tài nguyên du lịch nhân văn được hiểu là các tài nguyên sáng tạo của con người bao gồm: Di tích lịch sử, văn hoá, lễ hội, phong tục tập quán và các công trình đương đại do xã hội và cộng đồng con người sáng tạo, có sức hấp dẫn du khách, có tác dụng giải trí, hưởng thụ mang ý nghĩa thiết thực và được đưa vào khai thác phục vụ phát triển du lịch.[11;36]

1.2.2. Đặc điểm

Là tài nguyên du lịch nhân văn tập trung tại các điểm quần cư ở cả nông thôn và đô thị, cả miền núi và đồng bằng, ven biển, hải đảo.

Việc tham quan, tìm hiểu tài nguyên du lịch nhân văn có tác dụng nhận thức nhiều hơn, tác dụng giải trí không điển hình hoặc có ý nghĩa thứ yếu.

Việc tìm hiểu các đối tượng nhân tạo được diễn ra trong thời gian ngắn. Nó thường kéo dài một vài giờ, cũng có thể một vài phút, thích hợp với loại hình du lịch nhận thức theo lộ trình.

Số người quan tâm tới tài nguyên du lịch nhân văn thường có trình độ văn hoá cao, thu nhập và yêu cầu thưởng thức cao.

Tài nguyên du lịch nhân văn có ưu thế to lớn là đại bộ phận không có tính mùa vụ, ít bị phụ thuộc vào điều kiện khí tượng và các điều kiện tự nhiên khác.

Sở thích của những người tìm hiểu đến tài nguyên du lịch nhân văn rất phức tạp và rất khác nhau

Tài nguyên du lịch nhân văn tác động theo từng giai đoạn:

Giai đoạn thông tin: Giai đoạn này du khách nhận được những thông tin chung nhất, qua các thông tin miệng hay phương tiện thông tin đại chúng, nên có thể chưa thật rõ ràng về đối tượng.

Giai đoạn tiếp xúc: Là giai đoạn khách du lịch có nhu cầu tiếp xúc bằng mắt thường với đối tượng, tuy chỉ là lướt qua nhưng là quan sát bằng mắt thực.

Giai đoạn nhận thức: Giai đoạn này khách du lịch làm quen với đối tượng một cách cơ bản hơn, đi sâu vào nội dung của nó, thời gian tiếp xúc dài hơn.

Giai đoạn đánh giá nhận xét: ở giai đoạn này, bằng kinh nghiệm sống của bản thân về mặt nhận thức, khách du lịch so sánh đối tượng này với đối tượng gần với nó.

Thông thường việc làm quen với tài nguyên du lịch nhân văn dừng lại ở hai giai đoạn đầu, còn giai đoạn nhận thức và đánh giá nhận xét dành cho du khách có trình độ văn hoá nói chung và có chuyên môn cao.

1.2.3. Phân loại

1.2.3.1. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể

Là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm: tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y dược cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những trí thức dân gian khác.[11;40]

1.2.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.

Là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm: Di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, là gương mặt lịch sử, là nhân chứng của các thời đại.[11;41]

Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể ở nước ta phong phú, đa dạng, đặc sắc, mang các giá trị lịch sử văn hoá, gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của đất nước, gồm: Di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích lịch sử, các công trình đương đại. Trong đó các di tích kiến trúc nghệ thuật như chùa,

đình, đền, nhà thờ, miếu, nhà cổ, lăng tẩm, cung điện chiếm số lượng lớn, lưu giữ nhiều giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật văn hoá có giá trị, là những điểm tham quan, nghiên cứu hấp dẫn du khách.

1.3. Chùa ở Việt Nam

Chùa là nơi thờ Phật.[14;58]

Ở Việt Nam, làng quê nào cũng có chùa , ở thành phố cũng có nhiều chùa rải rác ở các phường và khu phố.Chùa ở Việt Nam trong bốn mùa đều mang một vẻ đẹp kín đáo thâm lặng đọng sâu trong tâm hồn con người hướng về điều thiện.

Có lẽ ngôi chùa cổ nhất nước ta được xây dựng tại Trung tâm Phật giáo Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh) vào đầu thế kỷ thứ II, còn được gọi là Chùa Dâu.

Hà Nội có những ngôi chùa đã in dấu tích lịch sử hàng ngàn năm như : Chùa Khai Quốc (ngày nay gọi là chùa Trấn Quốc), chùa Một Cột còn có tên chữ là Diên Hựu (có nghĩa là kéo dài cõi phúc)- đây là một kiến trúc rất độc đáo với hình tượng “Bông hoa sen” trên hồ.Dưới thời Đinh, Tiền Lê,Lý Trần, chùa được xây dựng ở khắp nơi.Các triều đại sau vẫn được tiếp tục xây dựng. Ngôi chùa được xây dựng gần đây nhất nhưng to nhất là chùa Vĩnh Nghiêm- được xây dựng từ năm 1964 đến năm 1971 mới hoàn thành , ở quận 3 , thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ riêng thành phố Hà Nội đã có khoảng trên dưới 150 ngôi chùa đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa.

1.3.1. Cấu trúc và Kiến trúc chùa ở Việt Nam

Chùa ở Việt Nam không cao lớn , đồ sộ, không lộng lẫy như chùa ở một số nước khác.Điều đó cũng dễ hiểu:Trước hết là do thời tiết khí hậu khắc nghiệt với mưa dầm , bão lớn , ngập lụt... không khí lại ẩm thấp, mà vật liệu xây dựng truyền thống dân ta lại chỉ dùng gỗ và gạch nôi là chủ yếu (các vật liệu có độ bền cao như: sắt thép xi măng chưa được xây dựng). Một lý do nữa là do các nhà sư khi đứng ra gây dựng , do thâm nhuần giáo lý nhà Phật: Mỗi chúng sinh

đều bình đẳng . Phật không muốn đứng trên các sinh linh, mà cùng với mọi người chia sẻ những đau khổ trên thế gian này.[10;18]

Vẻ đẹp của chùa Việt Nam trước hết là chỗ hài hòa với cảnh quan môi trường xung quanh. Ở vùng trung du, hầu hết các chùa được xây dựng trên các triền núi, hoặc lấy núi làm chỗ dựa . Ví dụ Chùa Tây Phương được xây dựng trên núi Câu Lâu, chùa Phật Tích được xây dựng trên triền núi Lạn Kha, Chùa Thầy được nằm gói vào sườn núi Phật Tích (còn gọi là núi Thầy); chùa Dạm được xây dựng trên núi Dạm...

Ở vùng đồng bằng , chùa thường được xây dựng trên một gò cao cạnh làng , cách xa nhà dân để phân biệt cõi Phật với cõi trần, bên cạnh chùa thường là những đầm sen, ao hồ hoặc sông nước.Chùa Trấn Quốc, chùa Một cột, tháp Báo Thiên.. đều được hồ nước bao quanh, làm cho chùa thêm vẻ thanh lịch.

Chùa Hương Tích là một quần thể gồm nhiều chùa đã được xây dựng trên dãy núi Hương Sơn , thuộc huyện Mỹ Đức , Hà Nội là sự kết hợp tuyệt vời giữa chùa và cảnh quan , giữa núi và nước, giữa hang động và cây rừng... đã tạo nên ý nghĩa thiêng liêng của chốn thờ Phật, gọi lên trong tâm hồn con người khi đi lễ Phật, vẫn cảnh một cảm giác tôn kính ngưỡng mộ.

Có thể nói núi non sông nước và chùa chiền như không thể tách rời, cảnh sơn thủy hữu tình đã tôn giá trị ngôi chùa và gắn bó với chùa như hình với bóng

Trước cửa Chùa thường có một bãi đất trống để không che khuất tầm nhìn của Phật tử và khách thập phương.Hai bên trước của chùa thường có hai hàng chó đá hoặc phỗng đá.Góc sân gần cổng thường có cây đa cổ thụ, với những chùm rễ lủng lẳng hoặc đâm thẳng xuống đất tạo nên thế đứng vững vàng và sinh động.

Trước khi vào chùa , khách hành hương phải bước vào cổng Tam quan(người ta còn gọi là nhà tam quan). Thường cổng Tam quan chia làm 3 phần và cũng là 3 cửa khá lớn. Cửa chính ở giữa cao và lớn nhất, cửa này thường đóng quanh

năm, trừ những ngày hội hè, sóc vọng , tết nhất. Cửa bên phải được mở để thường xuyên đón khách thập phương.

Theo triết lý đạo phật , Tam quan có nghĩa là 3 điều quan sát, 3 điều xem, 3 điều nhìn. Ba điều đó là:

- Không quan là xem bất kỳ việc gì thì đừng có ghép vào thực tướng (hình dạng), thực tính (tính chất). Vật là nó, không sinh, không diệt, không hoại, không hết... vật tức là không.
- Đả quan là xét bất kỳ vật gì, phải xét đủ hết hết thấy các phép biến hóa trong lẽ vô thường , tức là đầy đủ tất cả.
- Trung quan là quan sát và xem xét theo cái lẽ không phải là không, cũng không phải là đã, mà ở giữa có lẫn cả không và đã trung tính ở giữa). Đó là chỗ chính yếu của con đường vào cửa Phật (con đường trung đạo)

Nói tóm lại: Người ta xây cổng vào cổng chùa có 3 cửa Tam , là 3 cái lẽ chân thực

Ở những chùa lớn , Tam quan là một công trình kiến trúc nghệ thuật rất độc đáo. Ở một số chùa tầng trên của Tam quan còn có thể dùng tháp chuông.

Qua cổng chùa , ta bước vào sân chùa . Sân của nhiều chùa trong các thành phố thường được bày đặt trong các thành phố thường được bày đặt các chậu cây cảnh với mục đích đặt các chậu cây cảnh, hòn non bộ với mục đích làm tăng thêm cảnh sắc thiên nhiên cho ngôi chùa. Diện tích của sân chùa tùy thuộc vào những điều kiện và đặc điểm riêng của mỗi chùa.

Trong khu vực sân chùa hay vườn chùa lại có thể gặp những ngôi tháp cao (chùa Bút Tháp ở Hà Bắc, chùa Thiên Mục ở Huế) gọi là báo tháp.

Từ dưới sân chùa, để lên lớp kiến trúc đầu tiên của ngôi chùa là nhà bái đường (hay còn gọi tiền đường) phải trèo qua một số bậc thềm. Tất nhiên nếu

như chùa đứng trên núi cao như chùa Thầy, chùa Tây Phương, chùa Thiên Mụ thì du khách đã phải trèo qua nhiều bậc thềm để tới cổng.

Ở nhà Bái đường hay còn gọi là tiền đường là nơi để hành lễ cho mọi người vào lễ Phật. Ở chính giữa nhà Bái đường thường có trái chiếu hoa và đặt những đồ vật cần thiết, có thể đặt cả chuông khánh nếu như ngoài cửa tam quan không xây gác chuông. Nhà Bái đường thường có 5 gian.

Qua nhà Bái đường là đến chính điện. Tất nhiên giữa Bái đường và chính điện có một khoảng cách quá cảnh là một khoảng trống không rộng lắm, có lẽ để cho ánh sáng tự nhiên chiếu sáng.

Nhà chính điện là phần quan trọng nhất của một ngôi chùa, vì nơi đây bày những pho tượng Phật chúa yếu của điện thờ Phật ở Việt Nam.

Chạy song song với chính điện, ở hai bên là hai nhà hành lang nối thông chính điện với hậu đường. Gọi là nhà hành lang nhưng không nhất thiết là dãy nhà riêng mà thường là hai gian song song với gian chính điện, tạo thành 1 nhà 3 gian.

Qua nhà chính điện, theo đường hành lang, ta ra đến nhà Tăng đường (nhà hậu đường) cũng còn gọi là nhà tổ (có một số ngôi chùa ngoài nhà hậu đường còn làm riêng nhà tổ). Nhà hậu đường ở một số ngôi chùa Nam Bộ liền sát sau nhà thờ chính điện, ngay phía sau bàn thờ Phật.

Về bố cục: các ngôi chùa thường lấy sự cân xứng đăng đối làm phương thức chủ đạo. Thời Lý, các chùa thường lấy sự đăng đối quy tụ về một điểm ở giữa. Trong một quần thể kiến trúc, có một kiến trúc lấy làm trung tâm, còn các kiến trúc khác quay quanh điểm giữa. Nhìn chung, kết cấu tương đối phổ biến của chùa là theo hình chữ “công” vì đây là loại kết cấu hợp với loại chùa lớn trung bình. Cũng có một số chùa có kết cấu hình chữ tam. Các chùa nhỏ thường có kết cấu hình chữ “đỉnh”. Có những chùa lớn có kết cấu nội công ngoại quốc, phía bên trong hình chữ công, bên ngoài được bao bọc bởi nhà hành lang nhà tổ, nhà Tăng đường, nơi hội họp của các nhà sư bàn về đạo lý nhà Phật.

Tất nhiên cũng có một số ngoại lệ ví dụ tiêu biểu nhất là chùa Một Cột ở Hà Nội có hình dáng một bông hoa sen nở trên mặt nước.

Các chùa ở vùng đồng bằng Bắc Bộ thường được xây dựng với những bộ cột kèo bằng gỗ lim chịu lực, các cột gỗ được bào tròn bằng hình trụ. Tường bao quanh thường được xây kín, chỉ để hở những cửa thông khí ở hai bên có hình chữ thọ tròn, hoặc hình tượng “ sắc sắc không không “ (bán âm bán dương)

Trang trí trên các bộ phận bằng gỗ rất đặc sắc, đó là trang trí hình khối lồi lõm rất đẹp mắt. Các chạm trổ phù điêu hoa văn tranh vẽ... điểm tô cho kiến trúc, đã nâng công trình lên mức nghệ thuật. Ở các trụ người ta thường chạm nổi mặt mộc tiên nữ uốn người, giơ tay đỡ bệ sen phía trên, phía dưới là sông nước dập dờn.

Mỗi một ngôi chùa được xây dựng từ thời nào đều mang dấu ấn rõ nét của thời kỳ đó thông qua kiểu dáng và các hoa văn trang trí. Các ngôi chùa thời Lý đều có quy mô bề thế hơn đời sau, do Phật giáo dưới thời Lý thịnh (được coi là quốc giáo). Triều đình đã bỏ công quỹ ra xây chùa.

Các ngôi chùa ở các tỉnh Phía Bắc trước đây phần lớn chịu ảnh hưởng của nghệ thuật kiến trúc Trung Hoa từ thời bắc thuộc. Còn các tỉnh phía Nam hầu hết chịu ảnh hưởng kiến trúc Ấn Độ.

1.3.2. Các tượng Phật trong chùa Việt Nam

Chùa làm để thờ Phật. Số lượng các pho tượng Phật trong các ngôi chùa có thể rất khác nhau. Chùa Mía (Sùng Nghiêm Tự) ở Sơn Tây có đến 287 pho tượng các loại chùa, chùa Trăm Gian (Quảng Nghiêm Tự) có 153 pho tượng. Có sự đồng đảo tượng Phật như vậy do Phật Giáo phổ biến tại Việt Nam là Phật Giáo Đại Thừa. Đại Thừa là hình dung một cỗ xe rộng lớn có thể chở nhiều chúng sinh tới Niết Bàn. Cần nói thêm là ở rất nhiều ngôi chùa Việt Nam, bên cạnh các pho tượng Phật, còn có thể gặp các pho tượng của Đạo Giáo, Khổng Giáo như Ngọc Hoàng, Thái thượng quân, Nam Tào Bắc Đẩu, Khổng Tử, có thể thấy chư vị tứ phủ điện thờ mẫu thờ các bà chúa như Liễu Hạnh công chúa, bà chúa

Thượng Ngàn, bà Mẫu Thoải thuộc về tín ngưỡng dân gian. Cũng có thể gặp tượng thờ một nhân vật lịch sử có thực nào đó.

Ở chính điện, có thể gặp bốn lớp bệ thờ tượng Phật khác nhau. Trường hợp có sáu lớp bệ thờ ít phổ biến hơn. Bốn lớp bàn thờ này được xếp sắp theo nguyên tắc sau: lớp bàn thờ cao nhất ở sâu trên cùng giáp mái chùa , sau đó các lớp bàn thờ đặt tượng cứ thấp dần , tiếp theo sau lớp bệ thờ cuối cùng là hương án.[9;30]

1.3.2.1. Tượng Tam Thế

Là ba pho tượng bày thờ ngòai ngang nhau ở trên bàn thờ cao nhất gần nóc giáp vách thượng điện.

Tượng Tam thế tượng trưng cho trụ Phật thuộc về ba đời: Phật quá khứ , Phật hiện tại và Phật vị lai.

Quá khứ Phật là chư Phật đời quá khứ. Một trong các Phật quá khứ là Phật A-di-đà. Hiện tại Phật là Phật thời hiện tại. Phật Giáo đại thừa coi Thích Ca Mâu Ni là một hóa thân của Phật hiện tại xuất hiện để giáo hóa chúng sinh. Vị lai Phật là các đức Phật trong tương lai, trong đó có Phật di lặc.

1.3.2.2. Tượng Di-đà tam tôn

Còn gọi là “Tây phương tam thánh”. Nhìn xuống lớp bàn thờ thứ 2, thấy có 3 pho tượng cùng dãy gọi là Di-đà tam tôn. Ngồi giữa là tượng Phật A-di-đà, bên tay trái là tượng Quan thế âm, bên tay phải là tượng Đại-thế-chí.

Theo giáo lý nhà Phật thế giới con người chúng ta đang sống là cõi Sa-bà, tức là uế thổ, cõi đất không trong sạch, nơi đây con người phải chịu nhiều khổ ải phiền não. Về phía Tây cõi Sa-Bà này , vượt qua hàng vạn triệu thế giới , sẽ đến một thế giới gọi là Cực Lạc-Dân gian hay gọi là Tây Phương cực lạc. Ở đây , Phật A-Di-Đà làm giáo chủ đang thuyết pháp để hóa độ chúng sinh. Cực lạc thế giới là Tịnh Độ, cõi đất trong sạch. Trong cõi cực lạc ấy con người sống hạnh phúc sung sướng, yên vui giống như ở thiên đường hay bồng lai tiên cảnh

vậy. Do đó nguyện vọng của hết thảy chúng sinh là được vãng sinh sang miền cực lạc.

Tượng Phật A-di-đà thường được tạc rất lớn so với các tượng khác. Tượng Phật A-di-đà được tạc theo một số công thức nhất định: ngồi trong tư thế tọa thiền hay thuyết pháp trên đài sen.

Hai bên tượng Phật A-di-đà có hai pho tượng bao giờ cũng đứng và có kích thước nhỏ hơn. Đứng bên trái là tượng Quan thế âm, đứng bên phải là tượng Đại thế chí. Đó là vị thị giả giúp việc cứu thế cho Phật A-di-đà nên thường được tạc kiểu đứng chầu bên cạnh A-di-đà.

1.3.2.3. Tượng Thích Ca Mâu Ni

Đến lớp thứ ba cũng có ba pho tượng cùng dãy. Pho tượng lớn ngồi giữa là tượng Phật Thích Ca Mâu Ni có khá nhiều kiểu. Người ta đã tạc tượng ngài căn cứ vào các sự tích về ngài trong kinh Bản Sinh tức kinh nói về cuộc đời của Thích Ca.

Dựa theo các tích truyện kể về cuộc đời và sự nghiệp của Thích Ca Mâu Ni, ở Việt Nam người ta thường tạc bốn pho tượng tượng trưng cho bốn tư thế của ngài :

- Tượng Cửu Long(Còn gọi là Thích Ca sơ sinh): diễn tả ngài khi mới giáng sinh.
- Tượng Tuyết Sơn diễn tả ngài khi đang tu khổ hạnh ở núi Tuyết Sơn.
- Tượng thuyết pháp :diễn tả ngài khi đang vào cõi Nát Bàn
- Tượng Nát-bàn: diễn tả ngài khi đang vào cõi Nát-bàn

Bên cạnh tượng Thích Ca Mâu Ni ngồi là tượng hai vị thị giả giúp Phật tế độ chúng sinh. Đứng chầu về bên trái là Văn Thù Bồ Tát giúp về phần trí tuệ. Ngài hoặc đứng trên tòa sen hoặc ngồi trên lưng một con sư tử xanh. Sư tử chúa Sơn Lâm tượng trưng cho sức mạnh vĩ đại của trí tuệ.

Đứng châu bên phải Phật Thích Ca là Phở Hiền Bồ tát , giúp về phần sự lí.Ngài đứng trên đài sen, có chùa lại tạc tượng ngài đang cười trên một con voi trắng.Voi trắng là biểu hiện cho sự thuần khiết và uyên bác của chân lý.

1.3.2.4. Tượng Cửu Long

Ở lớp ban thờ thứ chiếm vị trí ở giữa là tượng Cửu Long. Hai bên là tượng Đế Thích và Phạm Vương.

Tượng Cửu Long diễn tả Phật Thích Ca Mâu Ni mới sinh. Theo truyền thuyết Phật giáo , khi Thích Ca Mâu Ni mới giáng sinh , có chín con rồng xuống phun nước để tắm cho ngài . Tắm xong ngài tự đi được bảy bước về phía trước , tay trái chỉ lên trời , tay phải chỉ xuống đất mà nói :”Thiên thượng địa hạ , duy ngã độc tôn”(trên trời dưới đất chỉ có một ta là tôn quý hơn). Xong ngài lại nằm xuống như kiêu trẻ con. Vì vậy tượng diễn tả ngài lúc mới sinh nên có hình tiểu nhi, một tay chỉ lên trời , một tay chỉ xuống đất. Có chín con rồng vây bọc và châu vào trên đầu và ba mặt sau lưng ngài, trên những đám mây có đủ chư Phật , chư thiên, thiên nữ , nhã nhạc, cờ phướng và bát bộ kim cương.

Bên trái tượng Cửu Long là tượng Đế thích là vua chủ tể cõi trời dục giới, cung điện ngự trị ở đỉnh núi Tu-di rất cao rộng, ôm trùm cả cõi đất chúng ta vào. Bốn cõi thuộc bốn góc núi Tu-di có bốn vị thiên vương cai quản.

Phạm vương là: Vua chủ tể cõi trời Phạm thiên thuộc về sắc giới : Hai ngài là vua chủ tể của cõi Sa-Bà thế giới. vì là vua nên ở các chùa nước ta cũng như Trung Quốc , tượng các vị được tạc theo chân dung của hoàng đế : đội mũ miện hoàng đế, mặc áo cổn , tay cầm hốt ngồi trên ngai vàng.

Khi Thích Ca còn chưa thành Phật, hai ngài luôn ở bên cạnh hộ trì ngài.Và cõi Sa-Bà thế giới chính là cõi đời của chúng ta đây nên tượng Cửu Long và Phạm Thiên , Đế Thích được để ở ngoài cùng.

1.3.2.5. Tượng Tứ Bồ Tát

Ngoài ra một số chùa còn có tượng Tứ Bồ Tát đó là:

Kim cương Ái Bồ Tát: Tượng ngài tay cầm một cái tên. Yêu thương chúng sinh bền vững trong sáng như kim cương.

Kim cương Sách Bồ Tát: Tượng ngài tay cầm một cái dây chao. Ngài lấy lòng từ bi để lôi kéo chúng sinh qua bể khổ, sợi dây chao kim cương tượng trưng cho sự bền bỉ của tấm lòng đầy.

Kim cương Ngữ Bồ Tát: Tượng ngài tay cầm một cái lưỡi. Ý nghĩa là ngài chỉ tụng niệm không thành tiếng để suy nghĩ, như cái lưỡi bằng kim cương nên gọi là kim cương ngữ.

Kim cương Tuyệt Bồ Tát: tượng ngài hai tay nắm chặt để vào lòng ngực, nghĩa là ngài đã chứng định được phép uy linh cảm ứng, bền chắc như cái nắm tay bằng kim cương nên gọi là kim cương quyền.

1.3.2.6. Tượng Hộ Pháp

Ở nhiều chùa ta có thể bắt gặp tượng hộ pháp. Tượng này thường được đặt ở hai bên tả, hữu của Bái đường (tiền đường). Tượng được tạc theo hình võ sĩ cao lớn hơn người thường. Mặt rất quắc thước, oai vệ. Đầu đội trụ, mặc áo giáp và có dây thần thông. (Còn gọi là ông Thiện, ông Ác)... Đây là cũng vị thần bảo hộ cho Phật pháp. Theo thuyết Phật pháp thì việc đặt đối xứng hai tượng ông thiện ông Ác nói lên sự tồn tại biện chứng của hai bản nguyên Thiện-Ác.

1.3.2.7. Tượng thờ Thổ địa thần

Tại nhà Bái đường có ban thờ tượng Thổ địa thần. Ban thờ này đặt ở phía đông nhà Bái đường.

Thần thổ địa là vị thần giữ gìn cõi đất. Nhiều nhà nghiên cứu nói thần này không thuộc Phật điện mà có nguồn gốc Trung Quốc. Sách cổ Trung Quốc nói thần là vị thần coi cõi đất, các làng đều có thờ thần xã, tục gọi là thần thổ địa. Các chùa thờ Phật đồng thời lại thờ thần Thổ địa cũng hàm ý thờ người chủ của khu vực nhà chùa. Ngài bảo vệ giữ gìn tài sản của nhà chùa, ai xâm phạm tài sản đó sẽ bị trừng phạt rất nghiêm khắc. một thuyết khác lại cho rằng vị thần ở đây

không phải là Thổ địa thần mà là ông Trương giả Cấp-cô-độc. Ông này đã mua vườn , lập tinh xá rước Phật về thuyết pháp. Trong khu vườn này ông đều lo trách nhiệm cung cấp và trông coi các tiện nghi , vật dụng. Về sau ông được Phật cho làm thần bảo vệ tài sản nhà chùa các nơi. Vì vậy người ta thường gọi tượng thờ ở vị trí này là tượng Đức ông (hay Đức chúa)

1.3.2.8. Tượng thánh tăng

Tượng Thánh Tăng được bày chủ yếu ở nhà tăng đường (nhà tổ), và các chùa còn bày thêm một pho tượng, Thánh tăng ở phía tây của nhà bái đường (tiền đường).

1.3.2.9. Động thập điện

Thường được bố trí ở bái đường . Có nơi lại gọi là tượng thập điện. thờ 10 vị vua cai quản 10 điện dưới âm ty (Thập điện Diêm Vương).

Các chùa ở nước ta chỉ thờ có 10 vị vua cai quản 10 điện cụ thể là:

1. Tần quang vương giữ điện thứ nhất, tuần “7 ngày thứ nhất”.
2. Sở giang vương giữ điện thứ hai, tuần “7 ngày thứ 2”.
3. Tống đế vương giữ điện thứ ba-tuần “7 ngày thứ ba”.
4. Ngũ quan vương, giữ điện thứ tư, tuần”7 ngày thứ tư”.
5. Diêm la vương, giữ điện thứ năm , tuần “7 ngày thứ năm”.
6. Biển thành vương, giữ điện thứ 6, tuần “7 ngày thứ 6”.
7. Thái sơn vương, giữ điện thứ bảy, tuần”7 ngày thứ 7”.
8. Bình đẳng vương, giữ điện thứ 8, tuần bách nhật.
9. Đô thị vương, giữ điện thứ chín, tuần giỗ đầu.
10. Ngũ đạo chuyển luân vương, giữ điện thứ mười, tuần giỗ hết (tức là giỗ năm thứ ba).

Người ta gọi chung cả 10 vị là” Diêm vương” . Người ta cũng gọi chung tượng của 10 vị và 10 cửa ngục là “Động thập điện”.

Có chùa không làm thành động mà chỉ thờ 10 vị Diêm Vương 10 vị Diêm Vương ở hai bên nhà bái đường, mỗi bên thờ 5 vị. Có thể Động Thập điện cũng được bố trí ở một khu vực riêng sau gian chính điện, hoặc ở nhà hậu đường.

1.3.2.10. Tượng bày ở nhà hành lang.

Tượng La hán thường được bày ở nhà hành lang là hai dãy nhà chạy song song ở hai bên nhà chính điện. Số lượng tượng La-Hán ở các chùa thường rất lớn . Mỗi bên hành lang có bày 9 pho tượng La-Hán, tổng cộng cả 2 bên là 18 vị (Thập bát La-Hán). Theo tín ngưỡng Phật giáo thì các vị này đã nhận sắc chỉ của đức Phật , sống mãi ở thế gian để hóa độ cho chúng sinh.

Các vị La Hán đều được tạc theo hình dáng như những người thường, , nhưng mỗi vị có một vẻ riêng và một tư thế khác nhau. Có vị béo , vị gầy , có vị hoan hỷ, vị khắc khổ , có vị trầm tư mặc tưởng..., nhưng tất cả đều nói lên sự trong sáng của tâm hồn, sự thanh khiết của trí tuệ, sự trầm ngâm suy nghĩ về nỗi đau của chúng sinh. Đặc biệt , tính nhân văn được thể hiện rất rõ trong từng pho tượng .Những nghệ nhân xưa không lệ thuộc vào những suy nghĩ sáng tạo làm cho mỗi khuôn mặt của mỗi pho tượng La Hán biểu lộ một chân dung có tâm lý riêng, một tâm trạng , một tính cách thể hiện hơi thở của thời đại và nỗi niềm nhân sinh , chứa đầy tính nghệ thuật trong cuộc sống đa dạng của trần tục.

1.3.2.11. Tượng bày ở nhà Tăng đường.

Nhà tăng đường còn gọi là nhà hậu đường vì nằm sau chính điện. Có thể được xây tách rời hay liền sát với chính điện. Cách bố trí tượng thờ ở nhà hậu đường cũng khá đa dạng , nhưng có thể hình dung một công thức chung như sau:

Nhà tăng đường chủ yếu dùng để thờ tượng các vị sư tổ đã tu hành tại chùa , có chùa thờ tượng hàng chục vị tổ. Tất nhiên trên các vị tổ có tượng Thánh tăng và tượng Đức Tổ Tây.

Gian giữa của nhà tăng đường có bày tượng đức Thánh tăng. Tượng thánh tăng này cũng được bày ở tiền đường , gọi là đức A-nan-đà. Có thuyết nói vị Thánh tăng được thờ ở nhà tổ cũng gọi là A-nan-đà, nhưng có thuyết nói là Văn thù Bồ-tát.

Trên bàn thờ các vị tổ cũng có một pho tượng dung mạo giống người Tây phương (Ấn độ): mũi cao tóc quăn thường được gọi là Đức Tổ Tây hay Tổ Đạt Ma. Ngài có pháp danh Bồ Đề Đạt Ma. Ngài sang Trung Quốc truyền đạo vào quãng từ 520 đến 530 được gọi là sư tổ thứ nhất của Thiền tông ở Trung Quốc.

Nhà tăng đường còn thờ các chư vị tức là các vị thánh của Đạo Giáo và tín ngưỡng dân gian. Đó là ban thờ mẫu (Điện mẫu) thờ các bà Thánh mẫu: Liễu Hạnh, Mẫu Thoải, bà chúa Thượng Ngàn , thờ Tứ phủ chư vị: Thiên phủ, Địa phủ, thủy phủ và Nhạc Phủ.

Các nhà nghiên cứu giải thích là các chư vị được thờ ở nhà tổ tuy không liên quan gì với đạo Phật nhưng vì đó là tín ngưỡng của nhiều người Việt Nam nên để thu hút nhiều đệ tử nhà thờ cũng thờ các chư vị.

1.3.3. Giá trị lịch sử, kiến trúc văn hóa

Các di tích lịch sử văn hóa bên cạnh các giá trị tâm linh về mặt đời sống của cộng đồng, nó còn có vai trò to lớn đối với sự phát triển của hoạt động du lịch của địa phương cũng như của đất nước.

Di tích lịch sử văn hóa là những công trình có giá trị lịch sử : Đình ,Chùa,Nghè , Miếu đó là những di sản văn hóa vật thể ẩn chứa trong nó những trang sử hào hùng, những giá trị tôn giáo, tâm linh của từng thời kỳ lịch sử, của từng vùng miền. Đây là chốn linh thiêng của các vị Thành Hoàng, những vị anh

hùng dân tộc có công trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc và xây dựng đất nước.

Di tích lịch sử văn hóa là những bằng chứng xác thực , trung thành cụ thể nhất về đặc điểm văn hóa của mỗi đất nước nó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp , những tinh hoa trí tuệ tài năng, giá trị văn hóa nghệ thuật của mỗi quốc gia.Tất cả các di tích lịch sử này đều mang đến cho con người những thông điệp từ quá khứ , nó làm thỏa mãn những nhu cầu về tham quan, hiểu biết tìm về cội nguồn của du khách. Là tài nguyên du lịch nhân văn quý giá giúp cho du lịch địa phương và quốc gia ngày càng phát triển ổn định và bền vững.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã nêu ra các cơ sở lý luận về du lịch và chùa chiền.

Đưa ra khái niệm về tài nguyên du lịch nhân văn cũng như các loại tài nguyên du lịch nhân văn.

Đưa ra lý luận cơ bản về chùa chiền Việt Nam gồm:

Khái niệm về Chùa.

Đặc điểm Chùa chiền Việt Nam.

Cách bài trí và đặc điểm các pho tượng trong Chùa Việt Nam.

Kết lại đưa ra Giá trị lịch sử, kiến trúc văn hóa

Dựa vào những cơ sở lý luận và thực tiễn đó có thể xây dựng bài khóa luận về Khai thác giá trị hệ thống chùa Thủy Nguyên phục vụ phát triển du lịch được tốt hơn.Từ đó góp phần đưa ra những giải pháp góp phần đưa du lịch tại Thủy Nguyên ngày càng phát triển.

CHƯƠNG 2: KHAI THÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HÓA CỦA HỆ THỐNG CHÙA TẠI THỦY NGUYÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

2.1. Giới thiệu khái quát về huyện Thủy Nguyên

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch thiên nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Thủy Nguyên là huyện thuộc miền duyên hải Hải Phòng nằm trong tọa độ 20⁰55' vĩ độ Bắc, 106⁰45' kinh độ Đông, có diện tích 242km². Hiện nay huyện Thủy Nguyên có 37 đơn vị hành chính gồm 2 thị trấn: Minh Đức và Núi Đèo và 35 xã.

Vùng đất nơi đây được hình thành từ rất lâu, xưa được gọi là Nam Triệu Giang nằm trong vùng An Biên do nữ tướng Lê Chân cai quản, sau gọi là huyện Thủy Đường thuộc phủ Tân An Châu Đông Triều. Đến vua Duy Tân thời Nguyễn (1908) đổi tên là huyện Thủy Nguyên thuộc tỉnh Kiến An, sau đó sát nhập vào tỉnh Hải Phòng.

Thủy Nguyên như một hòn đảo nằm trong vòng ôm của những dòng sông phía tây là sông Hàn, phía bắc là sông Đá Bạc, phía đông là sông Bạch Đằng, phía nam là sông Cấm ngăn cách huyện Thủy Nguyên với quận Hải An và nội thành Hải Phòng, nằm ngang huyện là hồ sông Giá thơ mộng.

Từ lịch sử xa xưa, Thủy Nguyên là nơi trung gian quá cảnh đi nhiều vùng khác nhau bằng cả đường bộ lẫn đường thủy. Trên bản đồ hành chính của Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên giống như một quả tim lớn, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương, phía Nam giáp với quận Hải An và nội thành Hải Phòng, phía Đông nhìn ra biển và cửa Nam Triệu. Chiều dài của huyện từ bến Đụn (đập Phi Liệt) đến bến rừng Tam Hưng là 31km, chiều rộng từ bến Bính đến cầu Đá Bạc dài khoảng 17 km.

Độc huyện là quốc lộ số 10 chạy nối liền Hải Phòng với khu vực mỏ Quảng Ninh. Bên cạnh quốc lộ 10 là đường 5B và đường 205 từ Trịnh Xá qua bến phà Đụn sang vùng mỏ Mạo Khê. Ngoài ra còn có đường máng nước từ Vàng Danh đưa nước ngọt qua Thủy Nguyên.

2.1.1.2. Địa hình

Thủy Nguyên là huyện ven biển ở vào vị trí chuyển tiếp của hai vùng địa lý tự nhiên lớn là châu thổ sông Hồng và vùng đồi núi Đông Bắc. Địa hình Thủy Nguyên gồm địa hình đồng bằng, đồi núi và vùng trũng cửa sông ven biển.

Địa hình có núi đá vôi xen kẽ: Dạng địa hình này nằm ở phía bắc huyện gồm địa hình núi đá vôi, đồi núi đất chạy từ An Sơn qua xã Lại Xuân, Liên Khê, Lưu Kiếm, Minh Tân, Gia Minh, Gia Đức và Minh Đức.

Địa hình đồng bằng: Đồng bằng trung tâm huyện gồm các xã Kiền Bái, Mỹ Đông, Thủy Sơn... có lượng phù sa lớn thích hợp cho việc trồng lúa, hoa màu và cây ăn quả, độ cao trung bình của bề mặt thường là từ 0,2 - 0,8m.

Đồng bằng ven sông: Đây là vùng đồng bằng vốn được bồi tụ, thường bị ngập nước của các xã Hoàng Động, Hoa Động, Lâm Động, Tân Dương, Phục Lễ, Phả Lễ, An Lư, Thủy Triều thuận lợi cho nền nông nghiệp phát triển.

Vùng cửa sông ven biển: Nét khác biệt đặc trưng cho dải đất ven biển huyện Thủy Nguyên là các bãi lầy được tạo thành từ một lớp phù sa và bùn nhão, ở bề mặt thường có màu phớt hồng. Đây là môi trường thuận lợi cho việc phát triển hệ thống thực vật phong phú và rừng ngập mặn.

Các dạng địa hình đặc biệt:

Địa hình hang động: Trong quá trình hoạt động của vỏ trái đất đã ban tặng cho Thủy Nguyên một địa hình Karst trên cạn với nhiều hang động hấp dẫn và kì thú. Các hang động phần lớn tập trung ở phía Bắc huyện trong đó vẫn còn có rất nhiều hang động giữ được vẻ hoang sơ như ban đầu.

Ở đây có nhiều hang động nổi tiếng như Hang Vua, hang Váo, hang Ma, hang Sộp, hang Lương, hang Đốc Tít... Hiện nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình hình thành tạo các hang động kì thú này.

Hầu hết các hang động ở đây đều có độ dài dưới 200m, các hang động có độ dài lớn nhất cũng không vượt quá 500m. Vị trí của hang động thường tập trung ở mức cao 4 -6m,15-20m, hoặc 30m so với mặt nước biển. Chiều rộng từ 5-10m, chiều cao từ 10-18m tuy kích thước hang động không lớn nhưng các hang động ở Thủy Nguyên lại có địa hình đẹp, nhiều thành tạo địa chất hấp dẫn, nhiều thạch nhũ. Bên cạnh đó các hang động ở đây thường gắn liền với tên tuổi của các vị anh hùng dân tộc qua các cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

2.1.1.3. Khí hậu

Khí hậu Thủy Nguyên mang tính chất nhiệt đới nóng ẩm gió mùa, do sự chi phối của làn lưu gió mùa Đông Nam á. Đặc biệt là không khí cực đới nên khí hậu ở đây chia làm 2 mùa rõ rệt, nhiệt độ trung bình là 23°C, độ ẩm 82-85%

2.1.1.4. Tài nguyên nước

Trên bản đồ Hải phòng, huyện Thủy Nguyên như một ốc đảo bao bọc xung quanh và cả trong lòng huyện là hệ thống sông ngòi dày đặc. Sông có sông nước ngọt, sông nước lợ, sông nước mặn sát ngay biển, đẹp nhất và có tiềm năng du lịch nhất là sông Giá. Sông Giá là một vùng cảnh quan thiên nhiên đẹp không phải ngẫu nhiên người ta gọi sông Giá là sông giàu huyền thoại.

Sông Giá là một chi lưu của hệ thống sông Bạch Đằng, bắt nguồn từ sông Đá Bạc tại thôn Giao Dương xã Lại Xuân, chảy qua các xã phía Đông Bắc huyện Thủy Nguyên rồi đổ ra sông Bạch Đằng ở khu Đầm Đe thị trấn Minh Đức.

Sông Giá len lỏi giữa các vùng núi non kì vĩ, tả ngạn là các xã Liên Khê, Lưu Kiếm, Minh Đức hữu ngạn là các xã Lại Xuân, Kỳ Sơn, Chính Mỹ, Kênh Giang, Hoà bình, Trung Hà, Phục Lễ.

Sông Giá nằm giữa miền châu thổ ven biển đông, nơi tạo ra các nền văn minh lớn của cư dân Lạc Việt. Ngàn năm trước sông Giá hiền hoà góp phần hình thành “Hành lang văn hoá” của vùng đất Thuỷ Nguyên cổ kính đỉnh cao là văn hoá Tràng Kênh, văn minh Đông Sơn. Đồi bờ sông Giá còn là một kho tàng văn hoá phong phú, là quê hương của nhiều danh tài mặc khách, nơi gìn giữ phong tục tập quán lâu đời của quê hương đất nước.

Hồ sông Giá là vùng du lịch cảnh quan sinh thái bao gồm 3 khu vực chính có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong khai thác đó là:

- Vùng lòng hồ sông Giá có chiều dài 16,5km từ đập Minh Đức tới đập Phi Liệt, chiều rộng trung bình từ 250 đến 400m, diện tích là 6,6km².
- Vùng bờ phía Bắc hồ bao gồm các xã Minh Tân, Lưu Kiếm, Liên Khê và thị trấn Minh Đức. Nơi đây có nhiều núi đá, hang động và danh thắng đẹp như Hang Vua, đền thờ Trần Quốc Bảo.
- Vùng phía Nam hồ gồm các xã Ngũ Lão, Thuỷ Triều, Trung Hà... với những đồi thấp ven hồ, những vườn cây ăn quả trù phú.

2.1.1.5. Tài nguyên đất

Tài nguyên đất ở huyện Thuỷ Nguyên rất phong phú và đa dạng, được phân bố ở khắp mọi nơi bao gồm các loại đất sau:

Đất phù sa màu nâu xám nhạt ở Liên Khê, Lại Xuân. Đất này có khả năng trồng lúa và hoa màu.

Đất đồi núi và thung lũng thường phân bố ở An Sơn, Phù Ninh, Quảng Thanh... có khả năng trồng lúa, hoa màu và các loại cây khác như chè, dứa...

Đất cát ven sông có lớp phủ sù vẹt ở các xã dọc theo các dòng sông.

Đất chua mặn ở phía Nam huyện đất này phân bố ở ven sông, ven biển.

2.1.1.6. Tài nguyên động thực vật

a. Động vật

Cho tới nay trên vùng đất của Thủy Nguyên gần như vắng bóng động vật hoang dã. Đây là hậu quả của quá trình khai phá rừng hoang để mở rộng địa bàn lưu trú và sản xuất của con người.

Tuy nhiên, hiện nay ở Thủy Nguyên vẫn còn có một số động vật tồn tại và phát triển, chúng thường xuất hiện ở các dãy núi đá vôi như: khỉ, dê, sơn dương...

Cho tới nay huyện Thủy Nguyên đang triển khai kế hoạch phủ xanh đồi trọc bằng cách trồng các loại cây có ích và thả các loại động vật hoang dã để giữ cân bằng sinh thái.

b. Thực vật

Thủy Nguyên có khí hậu nhiệt đới gió mùa bị chi phối mạnh bởi khí hậu của biển nên thực vật xanh tốt và sinh trưởng mạnh mẽ quanh năm cùng với tính chất đa dạng của địa hình và cấu tạo địa chất đã tạo lên tính đa dạng của các kiểu thực vật bì và phong phú về nguồn gen.

Dựa vào đặc điểm sinh thái và sự phân bố tự nhiên có thể chia thực vật tự nhiên thành các kiểu thực vật chính sau:

- Rừng trên đỉnh núi đá vôi có đặc điểm cây cối thường cao không quá 5m, rừng chủ yếu gồm 1 đến 2 tầng.
- Rừng trong các thung áng, trên núi đá vôi và trên các sườn núi đá vôi.

Tài nguyên du lịch tự nhiên của Thủy Nguyên phong phú đa dạng và hấp dẫn, được hình thành bởi đặc điểm tổng hoà của các yếu tố địa chất - địa hình,

khí hậu, thủy văn, thảm thực vật và thế giới động thực vật. Với sự phong phú về tài nguyên này huyện Thủy Nguyên có khả năng phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, du lịch thắng cảnh, du lịch leo núi...

Do đặc điểm về thời tiết, khí hậu có các yếu tố bất lợi như: gió, bão, mưa nên hoạt động du lịch của Thủy Nguyên sẽ bị ảnh hưởng nếu chỉ khai thác các lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên.

2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn

2.1.2.1. Dân cư

Vùng đất Thủy Nguyên được hình thành từ rất sớm, dân cư sống tại vùng đất này đã xuất hiện từ rất xa xưa. Theo điều tra dân số của huyện Thủy Nguyên đến năm 2007 có khoảng gần 3 vạn người. Thủy Nguyên là trong những huyện có mật độ dân số cao của Hải Phòng 170 người/km².

Từ xưa tới nay khi nói đến con người Thủy Nguyên là người ta thường nói tới trai tài gái sắc, thông minh duyên dáng nổi tiếng khắp vùng. Sự phong phú đa dạng về địa hình tạo cho con người Thủy Nguyên có khả năng phát triển về mọi mặt có thể khắc phục được những khó khăn trong cuộc sống cũng như nhanh chóng thích nghi được với môi trường sống hiện đại.

Điều kiện đất đai khí hậu đã giúp con người Thủy Nguyên không chỉ giỏi về làm nông nghiệp, nghề làm rừng, làm vườn, chài lưới mà còn thông thạo các nghề thủ công, thương mại, máy móc công nghiệp.

2.1.2.2. Di tích lịch sử văn hoá

Tính đến nay Thủy Nguyên có 147 các di tích lịch sử văn hoá trong đó có 28 di tích lịch sử được xếp hạng cấp thành phố, và 23 di tích lịch sử xếp hạng cấp quốc gia, và Thủy Nguyên cũng là nơi có nhiều thắng cảnh đẹp hấp dẫn phục vụ tham quan du lịch.

Huyện Thủy Nguyên có tài nguyên nhân văn khá phong phú và có giá trị cao đối với du lịch. Thủy Nguyên cũng là mảnh đất chứa nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc và đồng thời cũng là nơi xuất hiện những người cổ đại qua các di chỉ mộ cổ. Nhiều di tích lại nằm gần khu danh lam thắng cảnh như Hang Vua, đền thờ Trần Quốc Bảo và di tích về bãi cọc chiến Bạch Đằng, hang Đốc Tít trong thời kì chống thực dân Pháp càng làm tăng thêm giá trị du lịch.

Hơn nữa Thủy Nguyên còn là miền đất có nhiều lễ hội dân gian đặc sắc, là nơi tập trung nhiều làng nghề thủ công truyền thống có sức thu hút khách du lịch. Tuy nhiên việc khai thác tiềm năng trên phục vụ cho du lịch còn rất hạn chế, các di tích lịch sử được khai thác phục vụ du lịch còn quá ít. Lý do chủ yếu là cơ sở hạ tầng kém, giao thông chưa thuận tiện, mặt khác các di tích đang bị xuống cấp nghiêm trọng, có nơi còn bị đổ nát. Một số đình chùa được tôn tạo nhưng lại chưa đảm bảo được tính chân thực của lịch sử, phong cách kiến trúc cổ.

2.1.2.3. Tình hình kinh tế- xã hội

Nằm ở phía Bắc thành phố Hải Phòng, Thủy Nguyên được đánh giá là huyện có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, an ninh, quốc phòng.

Với diện tích 242,7km² lớn nhất so với các quận huyện khác của thành phố, dân số gần 30 vạn người với 37 đơn vị hành chính, Thủy Nguyên là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sông và đường biển.

Trong phát triển kinh tế, Thủy Nguyên có tiềm năng lớn về phát triển ngành công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển, khai thác chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, nhiệt điện, phát triển đô thị hiện đại và dịch vụ thương mại, dịch vụ nuôi trồng và khai thác thủy sản.

Là một trong những địa bàn được đầu tư lớn về phát triển hệ thống giao thông và các dự án công nghiệp quan trọng. Huyện Thủy Nguyên là nơi hội tụ các điều kiện của vùng kinh tế động lực. Việc xây dựng và phát triển huyện Thủy Nguyên có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ đối với sự nghiệp xây dựng

và phát triển thành phố Hải Phòng thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của các địa phương khác.

Thủy Nguyên hôm nay đang từng bước thay da đổi thịt nhờ những chính sách đổi mới phù hợp với đội ngũ lãnh đạo năng động dám nghĩ dám làm.

Trong những năm qua, đảng bộ, quân và dân huyện Thủy Nguyên đã nỗ lực phấn đấu đạt được những kết quả quan trọng và khá toàn diện trên các lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng giảm dần tỉ trọng nhóm ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ. Kinh tế tăng trưởng liên tục và luôn ở mức khá cao. Kinh tế xã hội, nhất là hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn, các công trình phục vụ sản xuất được quan tâm đầu tư. Việc quản lí đất đai, xây dựng có chuyển biến tích cực, tốc độ đô thị hoá khá nhanh. Huyện đã kết hợp chặt chẽ với các ngành chức năng triển khai các dự án xây dựng nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy nhiệt điện Tam Hưng, cầu Bính...

Các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể dục thể thao từng bước được xã hội hoá phát triển khá nhanh cả về quy mô, chất lượng đạt nhiều thành tựu xuất sắc.

Những vấn đề xã hội bức xúc như xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo các chính sách xã hội được chú trọng. đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện và nâng cao, tư tưởng quần chúng ổn định, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng và sự lãnh đạo của huyện.

Với sự cố gắng của các cấp các ngành, tình hình kinh tế - xã hội Thủy Nguyên vẫn ổn định và tiếp tục phát triển, đạt được các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra, 6 tháng đầu năm 2007, tổng giá trị sản xuất của các ngành đạt được 562,725 triệu đồng bằng 54,7% kế hoạch, tăng 15,5% so với cùng kì năm trước, trong đó nông nghiệp, thuỷ sản tăng 11,9%, công nghiệp - xây dựng tăng 21,4%, dịch vụ

tăng 13,7%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hiệu quả, tỉ trọng ngành công nghiệp chiếm 38,39%, công nghiệp - xây dựng chiếm 35,12%, dịch vụ chiếm 25,5%.

Công tác văn hoá, thông tin thể thao được duy trì và phát triển tốt, chất lượng giáo dục đào tạo có nhiều chuyển biến các công trình dự án lớn trên địa bàn tiếp tục được triển khai thực hiện. Nhiều công trình được khởi công hay khánh thành vào dịp kỉ niệm những ngày lễ lớn.

Để thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ trên, đảng bộ và nhân dân huyện Thủy Nguyên sẽ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu: Tiếp tục bổ sung điều chỉnh quy hoạch phát triển không gian đô thị và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Bảo đảm sự tiên tiến đồng bộ, toàn diện, hiện đại, phát huy có hiệu quả các nguồn lực và lợi thế cho đầu tư, bảo đảm cho kinh tế - xã hội phát triển nhanh bền vững theo hướng khai thác tốt nhất tiềm năng, tài nguyên khoáng sản, quỹ đất, lợi thế về giao thông, ngành nghề truyền thống. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng “Công nghiệp dịch vụ, thủy sản, nông nghiệp” tạo thành điểm nhấn, nâng cao năng lực thu hút và cạnh tranh với các vùng miền.

Tóm lại tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn của huyện Thủy Nguyên rất đa dạng và phong phú, tình hình kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện rõ nét từng bước đưa Thủy Nguyên trở thành một huyện phát triển nhất của thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên vấn đề phát triển du lịch của huyện chưa thực sự được quan tâm và đầu tư theo đúng hướng để từng bước đưa du lịch Thủy Nguyên phát triển xứng đáng với tài nguyên sẵn có của nó.

2.2. Đặc điểm hệ thống chùa tại Thủy Nguyên

Hiện nay huyện thủy Nguyên có tất cả 99 ngôi chùa lớn nhỏ phân bố đều ở tất cả các xã của Huyện. Nhìn chung các chùa ở huyện Thủy Nguyên hầu như không ngôi chùa nào giữ được dáng dấp từ buổi đầu xây dựng . Hầu hết đều bị biến đổi trong các đợt trùng tu. Tuy nhiên, kiến trúc truyền thống Việt Nam dù thuộc thời kỳ nào hay vùng miền nào cũng đều mang những đặc trưng như hoà

hợp với môi trường, hoàn cảnh kinh tế văn hoá xã hội của địa phương. Do đó các chùa ở huyện Thủy Nguyên đều có đặc điểm chung là mang trong mình nét đặc trưng của chùa ở miền Bắc.

2.2.1. Cách bố trí tượng thờ

Một đặc điểm thường thấy ở các ngôi chùa ở miền Bắc nói chung cũng như ở các ngôi chùa Thủy Nguyên nói riêng là có hệ thống tượng thờ vô cùng phong phú và đa dạng, hầu hết các ngôi chùa đều có gian thờ mẫu, ban thờ các nhân vật Nho và Đạo giáo. Trong khi đó, hệ thống tượng tại các chùa miền Trung và miền Nam đã giản lược đi rất nhiều, bắt đầu xuất hiện các chùa thờ Phật độc tôn.

Cũng giống như các ngôi chùa Bắc Bộ chùa ở Thủy Nguyên thường có 4 khu vực: Chính điện, tiền đường, nhà hành lang, nhà tổ và nhà trai.

Ở chính điện triết lý vô thường có thể thấy rõ trong việc bài trí tượng thờ, đó là vạn vật luôn biến đổi, mọi không gian thời gian bao gồm quá khứ hiện tại và tương lai trong Phật giáo gọi là tam thiên thế giới gồm trang nghiêm đại kiếp (quá khứ), hiện đại kiếp (hiện tại) và tinh tú đại kiếp tương lai. Triết lý này được thể hiện qua bộ tượng tam thế Phật và việc bố trí theo hàng dọc gồm tượng Di Đà tam tôn (quá khứ), Thích ca niệam hoa còn gọi là Hoa nghiêm tam thánh (Hiện tại) và Di lặc (thể hiện tương lai). Lớp thứ hai gồm: Quan Thế Âm Bồ Tát – Phật A Di Đà – Đại Thế Chí Bồ Tát. Lớp thứ ba gồm: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát – Phật Thích Ca Mâu Ni – Phổ Hiền Bồ Tát (có một số nơi thay hai vị Bồ Tát này bằng tượng của các ngài A Nan, Ca Diếp). Lớp thứ tư gồm: Pháp Hoa Lâm Bồ Tát – Phật Di Lặc – Đại Diệu Tướng Bồ Tát. Ngoài ra, tại một số chùa, trong chính điện thì phía dưới cùng còn bố trí ban Cửu Long, tức là ban thờ đức Phật đản sinh, ở hai bên của ban này có tượng của Đê Thích và Phạm Thiên. Chúng ta có thể nhận ra rằng các lớp thứ hai, ba, tư là sự “diễn giải cụ thể” về hiện thân của đức Phật tại lớp (tượng) thứ nhất qua không gian, thời gian. Ngoài ban thờ Đức Ông, còn phải kể đến ban thờ Đức Thánh Hiền (hai ban này có vị trí đối xứng với nhau). Theo giáo lý nhà Phật chép thì Đức Ông chính là trưởng giả

Cấp Cô Độc, còn Đức Thánh Hiền chính là ngài A Nan. Nhưng thực tế ở nhiều nơi, người ta quan niệm Đức Ông là hiện thân của võ quan có công dẹp giặc giữ nước, còn Đức Thánh Hiền là hiện thân của quan văn có công đóng góp xây dựng đất nước. Thêm vào đó, với vị trí địa lý đặc biệt, miền Bắc nước ta là vùng có sự giao thoa văn hóa và tín ngưỡng. Bởi vậy, ở đa số các chùa Thủy Nguyên, tại hậu cung thường có sự phối thờ với các ban thờ thánh Mẫu, ban Công Đồng Tứ Phủ.

2.2.2. Kiến trúc chùa

Hầu hết các ngôi chùa tại Thủy Nguyên đều mang đặc điểm của kiến trúc Phật giáo thời nhà Trần

2.2.2.1. Vị trí, thế đất

Thứ nhất các chùa tại Thủy Nguyên hầu hết được xây dựng ở các vùng tách biệt với xóm làng, nhưng lại là trung tâm của nhiều vùng lân cận.

Thứ hai các công trình đều được xây dựng ở phong quang thoáng đãng

Thứ ba các chùa Thủy Nguyên thường được xây dựng trên những ngọn đồi lớn, núi cao. Vị trí những ngôi chùa xây dựng thời kỳ đó chẳng những xa lánh cuộc sống trần tục mà còn gợi nên không khí trầm mặc, thanh tịnh và u nhã phù hợp với sự thiêng liêng của Thần Phật mà nhu cầu tôn giáo đòi hỏi. Với địa hình núi cao thì các kiến trúc được xây dựng theo các lớp nền với các cao độ khác nhau, vườn chùa rộng rãi chạy dài từ cổng vào. Các ngôi chùa quay hướng Nam, lấy núi làm hậu chẩm, những dãy núi trùng điệp hai bên như tay long, tay hổ ôm lấy Thái cực

2.2.2.2. Tổ hợp không gian

Các chùa được xây dựng thường có mối liên hệ chặt chẽ với thiên nhiên, phù hợp với cảnh trí xung quanh tạo nên một kiến trúc tổng thể hoàn chỉnh. Công trình như mọc lên và hòa vào với đất, phù hợp với thiên nhiên và

khung cảnh thiên nhiên chung quanh cũng làm tôn thêm vẻ đẹp của kiến trúc rất nhiều.

Một đặc điểm thường thấy ở các ngôi chùa Thủy Nguyên đó là tháp mộ đây là nơi cất giữ xá lỵ các vị sư tổ đã tu và viên tịch tại chùa. Tháp chỉ là kiến trúc phụ trong tổng thể một ngôi chùa. Khác với các chùa tại các tỉnh khác tháp chùa được đặt tại đằng sau chùa thì tháp chùa tại Thủy Nguyên tháp được đặt đằng trước chùa.

2.2.2.3. Kiến trúc Phật điện

Điện thờ Phật của các ngôi chùa Thủy Nguyên thường có nền là hình vuông. Các nền chùa thường được tôn cao hơn mặt đất bình thường và không lát gạch.

Kiến trúc Phật điện là kiến trúc một gian hai trái, không có tường vách bao. Các tòa thượng điện đều có bốn cột cái lớn ở giữa, 12 cột quân (đồng thời làm cột hiên vì chia gian chỉ có bốn hàng chân cột) xung quanh, do đó hai vì chia gian đều thuộc gian giữa. Kết cấu khung gỗ đỡ hai mái chính ở đằng trước và đằng sau, và hai mái bên, toàn bộ trọng lượng mái chuyển qua cột xuống nền nhà. Mái tỏa ra bốn phía, lan xuống thấp với các đầu đao vươn thành những đóa hoa ở bốn góc cong hát lên

Kết cấu kiến trúc điển hình là nền hình vuông, có bốn cột to ở giữa, tạo thành bộ vì theo kiểu giá chiêng gồm một câu đầu tỳ lực lên hai đầu cột cái. Các cột cái nối với nhau bằng những câu đầu to trên đỉnh, các cột quân nối với cột cái bằng xà nách. Bên trên câu đầu, có gắn một bộ phận gọi là giá chiêng thường thấp hơn so với các thời kỳ sau, bộ phận này gồm hai trụ chống đỡ một bộ phận nối gọi là bụng lợn. Các bộ khung giá chiêng có tác dụng giữ cho con chông hai bên vững chắc và góp phần chống đỡ mái. Ở giữa khung giá chiêng, người ta thường lắp thêm ván bụng trang trí thường chạm trổ hình lá đề với những phù điêu rồng, tiên nữ tạo thành một đặc điểm dễ nhận biết qua phong cách trang trí trên ván bụng đó. Từ cột cái nối với cột quân có xà nách nằm ngang, bên trên là

các con rường chồng lên nhau qua các đầu kê. Từ cột quân ra ngoài hiên, đầu bẩy được chúc xuống theo độ dốc mái. Phái trên xà nách ngang và dọc có những bức cốn hình vuông là nơi hội tụ tinh hoa trang trí của toàn bộ ngôi chùa. Các thành phần gỗ thời kỳ này đều to mập, liên hệ với nhau bằng mộng (phần lồi lõm liên kết các bộ phận của kiến trúc với nhau) tạo ra các cấu kiện chặt chẽ, chắc chắn nhưng có thể tháo lắp và thay thế dễ dàng khi sửa chữa.

2.2.2.4. Trang trí điêu khắc

Trang trí trên gỗ của các chùa Thủy Nguyên thể hiện sự khỏe khoắn, chất dân dã. Với đề tài trang trí thường mang tính chất chính thống, quyền quý, như rồng phượng, sấu, hoa mẫu đơn, quàng lửa, sóng nước, hoa sen, hoa dây...

Các vì kèo gỗ cho thấy sự phong phú trong nghệ thuật chạm khắc của ông cha ta. Những ván bưng giữa các giá chiêng chạm khắc quàng lửa nhọn đầu với đề tài lưỡng long tranh châu. Những trụ đỡ cũng được trang trí với các hình tiên nữ dập dờn trên sóng nước, tay giơ lên đỡ bệ sen, hay hình phỗng và có khi là một đóa mẫu đơn. Hình tượng tiên nữ thường được chọn làm đề tài trang trí cho các bức ván nong, lúc thì thổi tiêu, kéo nhị hay thổi sáo đánh đàn. Có những bức chạm khắc nhạc công thổi sáo và chơi các nhạc cụ dân tộc. Bố cục cân xứng, đường nét mềm mại, đôi lúc gân guốc nhưng điêu luyện. Những mảng khối đầy đặn ẩn chứa sự chắc khỏe là đặc điểm nổi trội của trang trí tại các ngôi chùa Thủy Nguyên. Nhân vật trung tâm là vũ nữ, nhạc công với những lối bố cục đăng đối và bút pháp giống nhau, làm bật lên sự lập đi lập lại trong không gian của hình tượng Sự tương phản về khoảng đặc, khoảng rỗng, giữa sáng và tối đã được trải đều qua phần ván gỗ bằng phẳng với lớp hoa văn ken đặc.

Hình tượng con rồng tại các ngôi chùa Thủy Nguyên thân thường chạm nổi cao, uốn khúc nhẹ nhàng mềm dẻo và thoải mái, hình khối tròn lẳn, đuôi múp dần.

2.2.2.5. Tổng kết

Nhìn chung ta có thể thấy phong cách nghệ thuật kiến trúc của hầu hết các ngôi chùa Thủy Nguyên mang đậm dấu ấn kiến trúc Phật giáo thời nhà Trần đó là sự đơn giản khỏe khoắn, như muốn thoát khỏi lễ nghi thể hiện trong từng đường nét chạm trổ và kiến trúc.

2.3. Một số ngôi chùa tại Thủy Nguyên

Sau khi tham khảo phòng văn hóa Huyện Thủy Nguyên cũng như quá trình đi thực tế nhiều ngôi chùa người viết chọn những ngôi chùa sau để nghiên cứu tìm hiểu và thực hiện bài khóa luận của mình:

- Chùa Mỹ Cự
- Chùa Thiêm Khê (Chùa Hoa Linh)
- Chùa Hoàng Pha
- Chùa Nhân Lý
- Chùa Phù Lưu
- Chùa Mai Động

Người viết chọn những ngôi chùa trên để tìm hiểu nghiên cứu do những nguyên nhân sau:

Mặc dù trên địa bàn huyện Thủy Nguyên có đến 99 ngôi chùa nhưng hầu hết các ngôi chùa trên hiện nay đều đã được xây dựng lại không còn giữ nguyên được nét kiến trúc xưa cũng như những giá trị lịch sử lâu đời. Do vậy người viết phải chọn lọc những ngôi chùa cổ lâu đời chưa bị thay đổi tu bổ nhiều để tìm hiểu và nghiên cứu phục vụ cho bài khóa luận của mình.

Những ngôi chùa mà người viết chọn để nghiên cứu đều là những ngôi chùa đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia trên địa bàn huyện.

Các ngôi chùa được chọn lọc đều là những ngôi chùa có nét kiến trúc đặc biệt mà không ngôi chùa nào có được.

Các ngôi chùa trên đều còn lưu giữ được rất nhiều hiện vật cổ quý giá có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa vô cùng to lớn.

2.3.1. Chùa Mỹ Cụ

Bình dị như bao làng quê khác ở Đồng Bằng Bắc Bộ, bên dòng sông Giá người dân làng Mỹ Cụ xã Chính Mỹ huyện Thủy Nguyên đã nối tiếp tạo dựng cho mình một cuộc sống thanh bình và mang đậm bản sắc riêng của một miền văn hóa cổ. Chôn sinh hoạt tâm linh gần gũi gắn bó bao đời của người dân Chính Mỹ là đây với tên gọi chùa Mỹ Cụ. Chùa Mỹ Cụ có tên chữ là Linh Sơn Tự được xếp hàng đầu trong bốn cổ tự huyện Thủy Nguyên.

2.3.1.1. Vị trí

Nằm ở vị trí đặc địa trên dãy núi Phụng Hoàng thuộc làng Mỹ Cụ nên chùa được nhân dân địa phương lấy tên làng làm tên cho dễ gọi, dễ nhớ. Theo các nhà phong thủy, chùa nằm theo thế ngũ linh: phụng, long, quy, hổ, tượng. Phía trước cách chừng 500m về hai bên có núi con hổ và núi rùa sau lưng là dãy núi uốn lượn hình con rồng ôm lấy chùa, xa xa trước mặt có núi voi phục châu về chính giữa. Có thể nói vị trí của chùa là điểm hội tụ khí thiêng của trời đất.

2.3.1.2. Lịch sử hình thành

Theo các tài liệu lịch sử được sưu tầm, chùa Mỹ Cụ là nơi ghi dấu nhiều sự tích về các nhân vật lịch sử đời hậu Lý, tiền Lê và đời Trần. Theo di cáo của cố đại lão hòa thượng Kim Cương Tử, nguyên Phó chủ tịch Hội đồng trị sự Hội Phật giáo Việt Nam, nguyên Viện trưởng Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, bố mẹ Lê Hoàn đến cầu tự tại chùa Mỹ Cụ, sau đó sinh ra Lê Hoàn, vị vua khai sáng của nhà tiền Lê, lãnh đạo quân dân Đại cồ Việt đánh tan quân xâm lược nhà Tống trên sông Bạch Đằng. Trong khuôn viên chùa Mỹ Cụ còn có nơi ăn chay niệm Phật của nhà thiền học Tuệ Trung Thượng Sĩ. Cách đây 700 năm (1230 – 1291) một nhà thơ, một nhà quân sự, danh nhân văn hóa, nhà tư tưởng, cư sỹ với tên gọi Hưng ninh Vương Trần Tung đạo hiệu Tuệ Trung Thượng Sĩ - người thầy của Trúc Lâm sơ tổ - nhà thiền học bậc thầy của thiền tông Việt Nam

trong một thời đại thịnh vượng của phật giáo văn hóa dân tộc đã về lập tĩnh thất tại thái ấp Dưỡng Chân xưa (nay là Chính Mỹ). Tại đây ngài vui với cuộc sống ẩn dật thanh cao khiêm nhường, từ nhỏ ngài đã mộ đạo từ bi của đức Phật nên sau này ngài chuyên tâm nghiên cứu thiên học, nắm vững yếu chỉ phật giáo, ngài đề xướng những châm ngôn để dẫn dắt lớp hậu học đi tới vàng sáng của cuộc đời. Rất may, Nguyên sử và sách An Nam chí lược của Lê Trắc có viết như sau: Trần Tung là con trai đầu của An Sinh Vương Trần Liễu, là anh cả của Trần Quốc Tuấn... Trong chiến tranh chống Nguyên Mông lần thứ hai (1284 – 1285) ông đã cùng với em trai là Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn trực tiếp chỉ huy cánh quân lớn tấn công mặt trận phía Đông buộc quân Nguyên phải rút bỏ Thăng Long lui về Vạn Kiếp...[2;60]

Sau chiến thắng quân Nguyên, ngài được giữ chức Tiết Độ Sứ vùng Duyên hải. Vốn không ham danh lợi ngài xin từ chức về đất Dưỡng Chân để sống cuộc đời thanh nhàn. Trải qua hơn 700 năm nay vẫn còn dấu tích cánh đồng Trang học, giếng đá và cầu rửa của trường, ở làng Dưỡng Chính, Chính Mỹ còn dấu vết tĩnh thất Dưỡng Chân của ngài. Trong cuốn sách của Trần Khắc Chung (đời vua Trần Nhân Tông) có đoạn: “ Thượng sĩ Trần Tung là ngọn đèn tổ của Phật hoàng, lấy tâm để truyền tâm. Xưa kia Đức Phật bỏ ngôi vương giả, rời cỗ xe vàng đến ngồi dưới gốc cây bồ đề, khai diễn phép võ thượng thừa, cứu độ chúng sinh...thượng sĩ thực đã mở mang lĩnh ngộ được phép thần ấy”. Từ đó đến nay, các nhà nghiên cứu Phật giáo nước ta đều tiếp nối đánh giá rất cao coi ông là nhà thiên học bậc thầy nước ta. Đã có rất nhiều cuộc hội thảo về thân thế sự nghiệp của ông và sách của ông được phiên âm ra chữ quốc ngữ. Đặc biệt, chùa Mỹ Cự còn là cơ sở của nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa nông dân do Trần Cao, một người con của quê hương Mỹ Cự đứng lên dựng cờ lãnh đạo góp phần làm sụp đổ hệ thống chính trị thời Lê Sơ, dẫn tới sự ra đời của triều đại nhà Lý.[7;45]

Giai đoạn 1930-1945, Đảng ra đời lãnh đạo nhân dân cả nước đoàn kết đấu tranh đánh đuổi thực dân đế quốc và tay sai phong kiến giành độc lập cho dân

tộc, chùa Mỹ Cụ là địa điểm hoạt động của các tăng già cứu quốc, nơi tập trung của các sư tăng yêu nước họp bàn công việc, tham gia chiến khu Đông Triều do trung tướng Nguyễn Bình chỉ huy. Đầu năm 1945, Đảng và Mặt trận Việt Minh cử ông Hoàng Ngọc Lương về lãnh đạo phong trào cách mạng ở xã Chính Mỹ. Ông Lương cùng một số chiến sĩ cách mạng như Trần Ngọc Ánh, Nguyễn Văn Sự... vận động được nhiều thanh niên yêu nước tham gia hoạt động cách mạng. Địa điểm chùa Mỹ Cụ lúc đó trở thành trụ sở cách mạng của xã. Thời kháng chiến chống Pháp chùa Mỹ Cụ vẫn là cơ sở hoạt động cách mạng. Theo lời kể của đại đức hiện trụ trì chùa, trong những năm kháng chiến chống Pháp, hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, chùa Mỹ Cụ có một số vị sư lên đường tham gia kháng chiến. Vì vậy, trong vườn chùa hiện nay có khu tưởng niệm các nhà sư có công với kháng chiến.

2.3.1.3. Kiến trúc

Trải qua bao thời gian ngôi chùa hiện nay không còn giữ được những đường nét vóc dáng xa xưa nhưng cách thức bố cục tổng quan đương thời vẫn được sắp xếp theo thứ tự từ chân đến lưng chừng núi theo thứ tự: thượng, trung, hạ như trước. Tiền đường và phật điện chùa Mỹ Cụ có kiến trúc theo kiểu chữ Đinh truyền thống với năm gian tiền và ba gian hậu. Phía trên là ngôi chùa nhỏ gọi là chùa cao, thấp hơn một chút là nhà tổ, trước nhà tổ là tiền đường và Phật điện. Chung quanh ngôi chùa này là rừng cây thông, tùng, bách rậm rạp. Phía trước cửa chùa là vườn cây ăn quả chủ yếu là vải, nhãn tỏa bóng xum xuê, rợp mát. Tâm linh hướng thiện của Phật pháp và biểu tượng con đường diệt ác trừ khổ hiện lên qua từng nét điêu khắc trên các pho tượng, trong số 27 bức tượng của Chùa qui mô và độc đáo nhất là bức tượng Phật A-di-đà tượng được tạc rất lớn có chiều cao 2m3 đường kính tòa sen 1m4 được đắp trên một thân cây gỗ lim mọc tại chỗ. Tượng được tạc trong tư thế thuyết pháp trên đài sen, khuôn mặt đôn hậu, mắt nhìn như đang suy tư, sống mũi cao thẳng, miệng hơi mỉm cười, tai dài. Dường như người xưa đắp tượng trước khi dựng chùa đúc chuông. Ngày nay người dân Chính Mỹ dù rất muốn xây dựng chùa to cũng không thể rời vị trí

linh thiên nơi đây bởi lẽ tượng Phật A-di-đà không thể di chuyển. Nhìn chung không gian Phật điện chùa Mỹ Cự ít sử dụng hình thức trang trí trực diện chỉ điểm tuyệt đôi ba đường lá cách điệu trên các xà muống. Phía sau Phật điện là nhà thờ các vị sư tổ đã từng tu tịch tại chùa. Ngôi chùa nhỏ tại vị trí cao nhất thờ Đức Quan Thế Âm Tổng Tử. Chẳng giống với những ngôi chùa nội thị mang nặng tính phô diễn với những mảng trang trí sặc sỡ trong một không gian khép kín chùa Mỹ Cự mộc mạc thuần thiết và rất dung dị. Không gian tâm linh ở đây đẹp bởi có sự kết hợp hài hòa giữa đường nét cổ kính của kiến trúc với vẻ đẹp sẵn có của vườn cây tự nhiên. Phía trước tiền đường là vườn tháp có 12 ngôi với tuổi đời đến vài thế kỉ. Từ xa nhìn về chùa Mỹ Cự ta có thể dễ dàng nhìn thấy công sơn môn đây là công trình mới được xây dựng gần đây tại chùa Mỹ Cự.

2.3.1.4. Các hiện vật lịch sử

Văn tự cổ nhất còn lại ở chùa là cây Thạch trụ dài niên hiệu Chính Hòa (1680 – 1705) đời vua Lê Hy Tông, ghi lại việc trùng tu, xây dựng chùa. Đến đời Lê Trung Hưng vào năm Vĩnh Thịnh thứ 13 Đinh Dậu (1717) vua Lê Dụ Tông, vị hòa thượng Thích Tế Cỗn tư Tuệ huân thiền sư trụ trì chùa đứng lên hưng công, phát tích công đức, tu tạo chùa với quy mô lớn. Chùa được xây dựng lại với 12 gian to rộng, nhà tổ, nhà tăng... Tạc được 19 pho tượng , các đồ tế khí được sơn son thiếp vàng. Hiện nay chùa còn giữ một bia đá ghi lại sự kiện này. Ban đầu chùa Mỹ Cự theo Thiền phái Trúc lâm (đời Trần) đến đời Lê Trung Hưng theo Thiền phái Tế trúc dòng tổ. Năm Minh Mạng thứ 9 (1838) ngài Vô cầu luật sư kiêm Thiền sư họ Phạm trụ trì chùa. Chùa lại được tu bổ, tôn tạo thêm nhiều tượng mới, đồ tế mới. Năm Nhâm Ngọ (1942) chùa lại được tu sửa, nhưng lần này đã làm mất đi màu sắc cũ của chùa. Ngôi chùa hiện nay được làm mới vào năm 1979 trên nền đất cũ và cơ bản vẫn còn dựa vào nét kiến trúc chính của lần trùng tu năm Nhâm Ngọ (1942)

2.3.1.5. Quá trình trùng tu chùa

Việc trùng tu này diễn ra trong nhiều năm qua. Từ năm 1979, nhân dân địa phương đã tu bổ lại chùa, thay thế các cột gỗ bị hư hỏng, mỗi một ở 5 gian tiền đường và 3 gian phật điện. Cuối năm 1999, đầu năm 2002, chùa tiếp tục sửa chữa, cải tạo một số công trình phục vụ sinh hoạt hằng ngày. Nổi bật nhất trong việc đầu tư, tôn tạo là hoàn thành xây dựng tam quan và gác chuông. Bên cạnh đó còn một số công trình như phòng họp, 2 hồ tròn tượng trưng cho trời và đất, 2 cổng phụ, 6 cột đèn điện... Tuy nhiên, theo đại đức Thích Trường Xuân, việc tu bổ, tôn tạo trong thời gian qua mới chỉ là bước đầu. Trong tương lai, toàn bộ chùa Mỹ Cự tiếp tục được quy hoạch, mở rộng to, đẹp, bề thế hơn nhưng không làm mất đi vẻ đẹp cổ kính; đồng thời bảo tồn được các di vật quý còn lại ở chùa. Hiện chùa đã đền bù xong phần đất ruộng của nhân dân địa phương phía trước cổng để mở rộng diện tích. Việc xây mới một số công trình, tu bổ, cải tạo công trình hiện có tiếp tục được triển khai trên cơ sở vận động nhân dân đóng góp để chung sức làm đẹp thêm cho ngôi chùa cổ kính hàng nghìn năm tuổi, khắc ghi nhiều dấu ấn lịch sử này.

2.3.1.6. Lễ hội tại chùa

Hàng năm nhà chùa mở hội vào ngày mùng 6 tháng giêng âm lịch, đây là hội làng có truyền thống từ rất lâu đời trải qua nhiều thế hệ được duy trì liên tục kể cả trong điều kiện chiến tranh, thu hút đông đảo nhân dân trong vùng tham gia.

2.3.2. Chùa Thiểm Khê (Chùa Hoa Linh)

Thiểm Khê là một làng nằm ven sông Giá (tên cổ gọi là Đô Lý giang) huyện Thủy Nguyên, nơi đã từng xảy ra trận Trúc Động lẫy lừng, chặn đánh đoàn thủy quân của giặc Mông - Nguyên. Nhân dân Thiểm Khê cùng quân, dân thời Trần hoàn thành nhiệm vụ chặn đường sông Giá để bảo đảm bí mật cho trận địa mai phục và buộc toàn bộ binh thuyền của địch phải hành quân theo sông Đá Bạc vào sông Bạch Đằng, nghĩa là phải dẫn thân vào trận địa do Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn chọn sẵn. Thiểm Khê còn có một ngôi chùa cổ được

xem như đài tưởng niệm về chiến thắng Trúc Động. Đó là chùa Hoa Linh, hay còn gọi là chùa Thiêm Khê.

2.3.2.1. Vị trí chùa

Chùa tọa lạc ở thôn Liên Khê xã Mỹ Đồng huyện Thủy Nguyên. Chùa Hoa Linh dựng trên sườn cao của một thung lũng, lưng dựa vào núi thiêm, bên phải có núi Chùa Hang, bên trái là núi Mẫu Ba. Dưới con mắt phong thủy, chùa Hoa Linh tọa lạc trên khu đất mang thế ý ngại, hai bên có tay long tay hổ. Thật là chốn địa linh hiếm thấy. Phía trước chùa, các dãy núi mở ra để cửa Tam Bảo có điều kiện hướng về Tây Phương cực lạc của giáo chủ A-di-đà, xa xa là dòng sông Giá trong xanh, lững lờ và đôi bờ dạt dào sóng lúa. Vườn chùa xanh thắm một màu của “rừng” vải xum xuê in nền hoa gấm trên dãy núi đồi phe-ra-lít đỏ au và đẹp đến đột ngột khi gặp “nắng quái chiều hôm”.

2.3.2.2. Vài nét về lịch sử

Trận Bạch Đằng năm 1288 xảy ra trên sông Bạch Đằng thuộc đất Đại Việt, đây là trận đánh quan trọng trong các cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông trong lịch sử Việt Nam. Đây là chiến thắng vẻ vang của quân Đại Việt do Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo cùng với Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông chỉ huy trước quân xâm lược Nguyên Mông. Quân Nguyên bị thiệt hại vô cùng nặng (với khoảng hơn 4 vạn quân sĩ bị loại khỏi vòng chiến), và nhiều tướng Nguyên trong đó có cả Ô Mã Nhi, Phạm Nhan và Phàn Tiếp cũng bị bắt sống và dâng lên Thượng hoàng Thánh Tông. Ngoài ra, có những 400 chiến thuyền của quân Nguyên rơi vào tay quân Trần thắng lợi. Đại thắng trên sông Bạch Đằng được xem là trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, và là thắng lợi tiêu biểu nhất của Đại Việt trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông.[2;78]

Cách đây 300 năm chùa còn một số tư liệu có giá trị cho lịch sử và khoa học, có chứng lý rõ ràng khắc trên bia đá chuông đồng. Lịch sử tra cứu khu đất nội tự những năm tháng xa xưa, vua Trần Hưng Đạo hạ mã ngự tại quả núi này bày

binh bố trận tuyển chọn nhân tài chuẩn bị cho trận “quyết chiến chiến lược” trên sông Bạch Đằng năm 1288. Lúc đó nơi đây thuộc kinh môn phủ thủy đường huyện Trúc Động Tổng.

Vào thời kì kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1930-1945, Đảng ra đời lãnh đạo nhân dân cả nước đoàn kết đấu tranh đánh đuổi thực dân đế quốc và tay sai phong kiến giành độc lập cho dân tộc, chùa Thiêm Khê là địa điểm hoạt động của các tầng già cứu quốc.

2.3.2.3. Kiến Trúc

Chùa Thiêm Khê dựng xây từ thời Hy Vương Trịnh giang năm 1769, vào đầu thế kỉ 17 đời nhà Trần. Cách đây 42 năm giặc Pháp vây càn đã phá dỡ đi ngôi chùa cổ kính này các vi thần tượng nghi trượng đều bị hư hại, chỉ còn lại những nền móng gạch đá vỡ mòn bao năm tháng mưa dầm dãi. Chùa đã từng là nơi nuôi dưỡng những câu hò giao duyên của bao thế hệ “trai thanh nữ tú” Thiêm Khê, trong các buổi hội chùa, những đêm trăng rằm. Câu “ơ...ơ...ơ hò” đã ngấm vào mạch núi, quyện trong khóm tre làng bao lời đối đáp, tỏ tình. Hò giao duyên Thiêm Khê rất cần được sưu tầm, phổ biến và đó cũng là một trong những viên ngọc văn hoá quý giá của người Thủy Nguyên. Mùa xuân canh Ngọ 1990 nhân dân Liên Khê uống nước nhớ nguồn tin yêu kính trọng hội tín lão thôn Thiêm Khê có 174 người đã tự bảo nhau đứng ra xây dựng lại chùa.

Vì chùa được xây dựng lại trên nền móng cũ nên kết cấu chùa đã không còn giữ nguyên trạng như xưa. Kết cấu chùa bao gồm nhà tổ có tên “Thiêm Khê tu viện” nơi đây là nơi thờ các vị sư tổ đã tu và tịch tại chùa có 7 bức tượng với khuôn mặt và nét biểu cảm khác nhau. Tiền đường và phật điện chùa Thiêm Khê được xây dựng theo kết cấu hình chữ đình truyền thống. Phía đằng sau là hậu cung là nơi thờ mẫu khu vực này được xây mới hoàn toàn. Phái bên trái của hậu cung là vườn tháp.

Về kiến trúc, vì chùa đã bị giặc phá hoại hồi kháng chiến chống Pháp, nên hầu hết những công trình hiện còn tuổi đời còn rất non trẻ. Những công trình

kiến trúc, mặc dù còn vắng bóng những nét đẹp của nghệ thuật truyền thống này, nhưng nơi đây còn bảo lưu nhiều pho tượng quý, có giá trị nghệ thuật cao, được xếp vào loại tượng gỗ cổ nhất còn lại ở nước ta, đó là: bộ Tam Thế, bộ Di Đà Tam Tôn, Quan âm Chuẩn Đề, hai pho Bồ Đề Đạt Ma, Tượng Bồ Tát, Ngọc Hoàng và Nam Tào Bắc Đẩu, Thích Ca sơ sinh và cuối cùng là tượng Đức Ông và Thánh Tăng ...

Hai pho tượng có niên đại cổ nhất và cũng là những pho tượng đẹp nhất là tượng Quan âm Chuẩn Đề và tượng A-di-đà. Pho A-di-đà ngồi ở trung tâm Phật Điện, hai bên có trợ thủ là Quan Thế Âm Bồ Tát và Đại thế chí Bồ Tát hợp thành bộ Di Đà Tam Tôn. A-di-đà là pho tượng to cao nhất chùa. Tượng cao đến 2m. Đầu tượng chạm kiểu “bụt ốc”, nổi chòm “nhục kháo”. Các hàng tóc xoắn, xếp đều là biểu tượng những chữ “thánh” của nhà Phật, tượng trưng cho sự hội tụ sức mạnh vô lượng vô biên vào đức Phật. Bộ mặt tượng thanh tú, mắt khép hờ, miệng thoáng cười. Theo nhận xét của các nhà nghiên cứu mỹ thuật thì thời gian đã làm phai nhạt màu vàng kim khiến cho màu sơn cánh gián nổi lên thật đậm và bóng, tạo cho tượng một giá trị cao hơn gấp bội về nghệ thuật. Niên đại của tượng được xếp vào nửa đầu thế kỷ 17, cùng phong cách và niên đại với pho tượng cùng loại ở chùa Thầy, do Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan cúng tiến. Pho tượng này đã góp phần san lấp khoảng trống cho nghệ thuật điêu khắc thế kỷ 17 ở Hải Phòng và của dân tộc.

Pho Quan âm Chuẩn Đề to bằng người thực (cao 1,12m) trong thế ngồi kiết già, phu toạ toàn phần trong thế hình tháp vững chãi, mang nhiều nét kế thừa tượng Quan âm chùa Bút Tháp, chùa Bối Khê. Bộ tượng là một đài sen ba lớp cánh ngửa, cánh sen múp phồng, cong vênh như nở mãn khai. “Thiên quan” (mũ tượng) chung quanh đều gắn nổi 15 pho tượng phật và bồ tát, đỉnh mũ có “tám che” búi tóc như nhiều pho tượng Quan âm khác mang phong cách nghệ thuật thế kỷ 16 mà chúng ta đã gặp ở chùa Thượng Trung (Vĩnh Phú), Đa Tốn (Hà Nội), chùa Mía (Hà Tây) ... Mặt tượng trái xoan thon thả, mang dáng dấp của một khuôn mặt nữ nhân từ, sang quý. Cổ cao ba ngón, miệng thoáng cười

cảm thông cứu độ. Đây là pho tượng được làm rất kỹ, từng chi tiết nhỏ đều được quan tâm. Các kỹ thuật đục chạm rất điêu luyện.

Tượng có 10 đôi tay, du khách thường bị quyến rũ đến đắm say bởi những cánh tay để trần trong các thế ấn quyết mà lại như đang trong động tác múa liên hoa. Đôi tay trên cùng đỡ hai cụm mây thiêng, ẩn hiện. Mặt trời, mặt trăng như biểu hiện ánh sáng vô lượng của Phật pháp chiếu rọi suốt ngày đêm, không gì ngăn cản nổi. Đôi tay thứ hai: Tay phải trong thế ấn thuyết pháp. Tay trái cầm bình nước cam lồ để diệt trừ 108 phiền não cho chúng sinh. Đôi tay thứ ba: Tay phải như đỡ cuốn kinh Phật, biểu hiện cho Phật pháp vô lượng vô biên. Tay trái cầm pháp loa cảnh tỉnh...Đôi tay thứ tám chấp trước ngực trong thế chuẩn đề, hội cho Quan âm một siêu lực vô lượng.Đôi tay thứ chín trong thế ấn liên hoa. Đôi tay thứ mười đặt trên lòng đùi, trong thế ấn tam muội.

2.3.3. Chùa Hoàng Pha

Nằm cách trụ sở UBND xã Hoàng Động (huyện Thủy Nguyên) chừng 1 km, cụm đền, chùa Hoàng Pha được xếp hạng là di tích lịch sử cấp quốc gia từ năm 1992. Đền thờ 4 vị thánh hiền, trong đó 3 người có công trong trận chiến Bạch Đằng giang. Chùa làng ngoài thờ Phật còn thờ 4 vị thánh đó, cũng như gắn liền với những chiến công cách mạng mà nhiều người dân địa phương còn khắc ghi.

2.3.3.1. Vị trí của chùa

Chùa tọa lạc trên khuôn viên hình chữ nhật (rộng khoảng 1300m²), xung quanh xây bằng gạch, ngăn cách cảnh chùa với làng, đồng ruộng Chùa quay về hướng tây nhìn ra dòng sông Cẩm. Đó cũng là hướng nhìn về tất tổ đạo Phật (Tây Trúc).

2.3.3.2. Vài nét về lịch sử

Theo thần tích ngọc phả còn lại ở đền, khi Ngô Quyền nghe tin giặc đến, cho sứ đi cầu người hiền tài giúp dân. Ba anh em họ Lý hăng hái chiêu binh, duyệt

tập võ nghệ, xin tham gia đánh giặc. Họ được vua ban cho chức thượng tướng. Trong trận chiến sông Bạch Đằng, ba vị tướng họ Lý mang quân mai phục ở cửa sông, chờ nước thủy triều lên mang thuyền nhỏ ra khiêu chiến. Quân Nam Hán cậy binh lực nhiều ào ạt tấn công, quân ta giả vờ thua, rút chạy để nhử thuyền giặc vào bãi cọc nhọn do Ngô Quyền cắm sẵn. Đợi đến khi triều xuống, 3 vị tướng họ Lý quay thuyền phối hợp với đại quân mai phục trên bờ. Quân Nam Hán hoảng sợ, tháo chạy trong khi nước triều rút mạnh đã đâm phải cọc nhọn đắm quá nửa. Mộng xâm lăng của quân Nam Hán chôn vùi ở cửa sông Bạch Đằng. Khi nước nhà sạch bóng quân thù, ba anh em họ Lý chẳng màng danh lợi, đi chu du khắp nơi, có đến trang Hoàng Bì (nay là xã Hoàng Động) giúp dân mua ruộng làm đất công. Khi nghe tin gia thân của Ngô Vương Quyền là Dương Tam Kha cướp ngôi tự lập vua, 3 anh em họ Lý dựng cờ khởi nghĩa chống lại và anh dũng hy sinh.[7;67] Để tưởng nhớ công lao 3 vị tướng tài, dân làng lập đền thờ họ.

Vị thánh thứ 4 được thờ tại đền là Nguyễn Quốc Hồng, con của một người dân làng. Đến tuổi trưởng thành, Quốc Hồng theo vua Lý dẹp giặc, lập công lớn, sau này được triều đình tin cậy giao chức trách quan trọng như chỉ huy quân đội, cố vấn cho nhà vua...

Chùa Hoàng Pha là nơi Hội tăng già cứu quốc huyện Thủy Nguyên ra đời, cơ sở an toàn của nhà sư Hoàng Ngọc Lương, nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến đầu tiên của huyện. Trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), chùa là trụ sở của đội tự vệ tăng già cứu quốc huyện Thủy Nguyên. Nhà sư Lương Ngọc Trụ, nguyên chủ tịch Hội tăng già cứu quốc tỉnh Hải Kiến, trưởng thành từ chùa Hoàng Pha, sớm giác ngộ cách mạng, tham gia kháng chiến, sau này anh dũng hy sinh trong trận phá càn ở huyện Tiên Lãng. Được nhà sư Lương Ngọc Trụ dìu dắt, giác ngộ, cụ Nguyễn Kim Thành là người kế tiếp việc trụ trì chùa cũng có nhiều hoạt động ủng hộ kháng chiến. Năm 1950, cụ Thành được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam, được Nhà nước tặng thưởng

Huân chương Kháng chiến hạng nhất. Người bảo vệ, quét dọn, trông chùa là bà Vũ Thị Láng cũng tham gia hoạt động cách mạng.

Cũng trong những năm tháng kháng chiến chống thực dân Pháp, chùa Hoàng Pha là cơ sở của đội vũ trang huyện, cơ sở hoạt động cách mạng của Đảng bộ và Mặt trận Việt Minh huyện Thủy Nguyên. Chùa đồng thời là địa điểm hội họp của Ủy ban kháng chiến xã Hoàng Động.

2.3.3.3. Kiến trúc

Chùa Hoàng Pha có niên đại xây dựng muộn nhất vào đầu thế kỷ XVIII. Trên chiếc thông bằng đá do nhân dân địa phương cúng vào chùa ghi rõ niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706), đã chứng tỏ điều đó.

Toàn bộ kiến trúc của chùa gồm 4 tòa nhà, cấu trúc theo hình chữ "quốc". Mặt trước là tòa Phật điện kiểu chữ "đỉnh" gồm 5 gian tiền đường và ba gian hậu cung. Các bộ vì kèo có kết cấu "chồng rường đốc thước" quen thuộc. Trang trí kiến trúc của đền chủ yếu là trạm nổi, bong hình, đôi lúc sử dụng lối khắc chìm. Vì kèo thứ nhất chạm nổi hình phượng xòe cánh múa lớn, hai bên có đôi long mã châu. Vì kèo thứ 2 chạm nổi hoa là hóa long. Vì kèo thứ 3 mặt ngoài chạm nổi hoa lá hóa long, trong chạm đồ án tứ linh gồm rồng, phượng, long mã, rùa xen lẫn hoa lá sen, mây cụm. Vì kèo thứ 4 mặt trong trạm nổi đề tài tứ linh, trung tâm là một đầu rồng nổi khối lớn, trên là phượng múa, chung quanh có long mã, rùa vàng, dải mây lững lờ. Vì kèo thứ 5 mặt trong chạm bong hình độc long trên nền hoa gấm khắc chìm. Vì kèo thứ 6 chính giữa chạm nổi hổ phù ngậm chữ thọ lớn, hai bên có đôi long mã không lò đứng châu. Nghệ thuật trang trí ở đền Hoàng Pha kế thừa nghệ thuật truyền thống, đường nét mượt mà, điêu luyện với phong cách dân gian độc đáo. Ba gian giữa lắp hệ thống cửa sổ kiểu "cửa thùng khung khách". Tại gian đốc bên phải tòa tiền đường đặt bàn thờ Đức ông, gian bên trái đặt bàn thờ Mẫu, phía ngoài treo quả chuông đồng khá lớn cao 1,5 mét, rộng 0.8 mét, niên đại ghi trên chuông là Tự Đức nguyên niên (1848). Ba gian hậu cung đặt tòa tam bảo, thứ tự trên cùng là bộ tượng tam thế, tiếp đến

là tượng A di đà, hàng thứ 3 giữa là Quan Âm "nghìn mắt nghìn tay", bên phải là "Đại thế chí bồ tát", bên trái là "Quan âm bồ tát", hàng thứ 4 giữa là "Quan Âm chuẩn đề", bên phải là Anandà, bên trái là Quan Âm Thị Kính; hàng thứ 5 là tượng Ngọc Hoàng, hai bên là Nam Tào, Bắc Đẩu, cuối cùng là tòa "Cửu Long và Thích ca sơ sinh". Nhìn chung các pho tượng phật ở đây được tạc đơn giản, đáng quan tâm hơn cả là 3 pho tượng tam thế và tượng Quan Âm chuẩn đề mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX.

Chùa Hoàng Pha là công trình có quy mô khá lớn, còn bảo lưu được một số kiến trúc, tượng pháp, đồ thờ có giá trị cần được quan tâm, giữ gìn, bảo tồn, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc ở địa phương. Chùa Hoàng Pha được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa năm 1992.

Ông Đoàn Văn Nga, Trưởng Ban quản lý di tích cụm đền, chùa Hoàng Pha cho biết: “Tự hào về truyền thống của cụm đền, chùa làng, từ xưa đến nay, dân làng chung sức bảo vệ cảnh quan, kiến trúc, gìn giữ những di vật quý hiếm còn lại”. Theo đó, hiện cụm đền, chùa còn lưu giữ 5 bia đá cổ, 4 pho tượng 3 anh em họ Lý và Nguyễn Quốc Hồng, thống đá, bát bửu, long đình, nhang án, bát hương đồng, cửa võng, chuông cổ, các sắc phong vua ban...

2.3.4. Chùa Nhân Lý

2.3.4.1. Lịch sử Chùa

Chùa Nhân Lý thuộc thôn Nhân Lý, xã Cao Nhân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Theo một số nhà nghiên cứu, chùa Nhân Lý thuộc thiền phái Trúc Lâm, có chốn tổ ở núi Yên Tử, do vua Trần Nhân tông sáng lập.

2.3.4.2. Kiến trúc

Một số hiện vật đáng lưu ý của chùa gồm: Ba pho tượng Tam Thế và pho tượng Adidà, một quả chuông đồng cao 1,25 m đôi chóc sứ men xanh lam, cao 0,6m, trang trí cảnh tùng, lộc...tượng Quan Âm Tống Tử (Quan âm Thị Kính). Tại vườn tháp có 4 mộ tháp đều đặt xá lý của các vị sư. Đáng chú ý là ngôi tháp

bên tả mang tên Phả Đồng tháp, cao 3 tầng, có bài minh bằng chữ Hán với nội dung chủ yếu ca ngợi cảnh chùa. Tháp có niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8 (1801).

Do chiến tranh, 3 ngôi miếu và một ngôi đình đã bị tàn phá nên nhân dân đã đưa các vị thành hoàng của mình vào phối thờ tại nhà tổ của chùa. Ba vị thành hoàng là Quý Minh đại vương, Quảng Tế Hùng cư sĩ, Lôi Công. Về tiểu sử Quý Minh, theo thần tích chép: bấy giờ, Hùng Duệ Vương tuổi đã già, sức đã yếu, Thục Phán đem quân đánh. Có người anh em kết nghĩa với Tản Viên họ Trương, tên Tuấn, tự Quý Minh về triều tâu vua xin cho phá quân Thục.[7;54]

Quả nhiên quân Thục bị đánh tan, phải rút về. Ông Tuấn về triều dự lễ mừng công, sau đó xin phép vua thăm các doanh đồn cũ, trong đó có trang Nhân Lý. Ông Tuấn mất ngày 12/9 âm lịch, vua Hùng thương tiếc truyền cho trang Nhân Lý lập đền thờ, cấp 300 quan tiền để xuân thu quốc tế phong tặng là Quý Minh Đại Vương. Dân làng tôn kính gọi là Đức thánh Cả. Quý Minh còn được tôn thờ ở Tam Hưng (huyện An Dương) và nhiều nơi khác trên đất Hải Phòng ngày nay.

Vị thứ 2 là Quảng Tế Hùng cư sĩ, trước đây có miếu thờ ở Đồng Quýt, sau bị thất lạc. Nhân dân chỉ còn giữ lại bức tượng, văn khấn, một số sắc phong do các vua Triều Nguyễn phong tặng: Dực bảo trung hưng, Quảng Tế Hùng cư sĩ đại vương, thượng đẳng thần.

Vị thứ 3 tên là Lôi Công, trước đây thờ tại miếu Đông. Theo gia phả họ Đỗ thì Lôi Công tức là Đào Văn Lôi, con ông Đào Cam Mộc, mẹ họ Đỗ người làng Vân Tra. Cả hai cha con đều có công giúp nhà Lý, làm quan to. Ông ngoại Đào Văn Lôi vốn là một hào trưởng có uy tín trong vùng, cũng có quan tước ở triều Lý. Đào Văn Lôi sau khi mất được dân làng tôn thờ làm thành hoàng. Đào Văn Lôi còn được vua Lý Thánh Tông, sau khi dẹp loạn 3 vương, phong là Tả Phúc Tâm.

Ba pho tượng thể hiện các vị thành hoàng ngồi trong ngai vàng son rực rỡ, vẻ mặt uy nghi. các hiện vật đáng lưu ý: tượng 3 vị sư tổ, đôi chóa sứ có nắp đậy

cao 40 cm, men xanh lam; đôi chĩnh men xanh hình lục lăng cao 65 cm, trang trí sơn thủy; đồ đồng có bộ đèn nến và một số đỉnh đồng kiểu chữ nhật; một quả chuông đồng cao 70cm, đường kính miệng 37cm; bản sắc phong của các vua triều Nguyễn phong cho 3 vị thành hoàng làng Nhân Lý.

Chùa Nhân Lý, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên là một di tích lịch sử văn hóa được nhà nước xếp hạng năm 1992.

2.3.5. Chùa Phù Lưu

Chùa Phù Lưu, tên chữ là “Thiên Vũ Tự” cổ kính được xây dựng giữa sườn non, trong lòng thung lũng hẹp, cách dòng sông Việt (Vệt) không xa, quanh năm nước chảy hiền hoà.

2.3.5.1. Vị trí chùa

Chùa thuộc địa bàn thôn Phù Lưu Nội, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên (ngoại thành Hải Phòng). Chùa Thiên Vũ dựa lưng vào núi Phù Lưu mang dáng hồ phục, mặt quay hướng đông có núi Thượng Quận châu lại. Núi Thượng Quận được người xưa nhìn nhận là răng nanh của hồ sơn. Tương truyền, thời nhà Mạc (1527 - 1592), nơi đây là nơi đại bản doanh của một vị quan Thượng thư đương triều.

2.3.5.2. Lịch sử chùa

Đời xưa truyền lại: Chùa Thiên Vũ được xây dựng vào thời Trần (1226 - 1400), do tổ Non Đông phát tạo từ một thảo am thờ Phật nhỏ bé của một vị chân tu thuộc thiền phái Ty-ni-da-lu-chi (Vinianuci). Qua những mảnh vụn của quá khứ cho thấy, Chùa Thiên Vũ cùng với tháp Tường Long (Đồ Sơn), chùa Hoa Long (Núi Voi, An Lão) tạo thành những đại, trung và tiểu danh lam tiêu biểu của Phật giáo thời Lý trên vùng đất Hải Phòng.

Chùa Thiên Vũ còn là một địa chỉ ghi dấu truyền thống cách mạng của nhân dân Thủy Nguyên. Năm 1944, chùa là cơ sở hoạt động của cơ quan lãnh đạo mặt trận Việt Minh huyện, đồng chí Hoàng Ngọc Lương (sư Lương) nguyên Chủ

tịch lâm thời huyện Thủy Nguyên đã mở trường quân chính tại chùa để đào tạo cán bộ. Trong kháng chiến chống Pháp, chùa là cơ sở đáng tin cậy của Huyện uỷ.

2.3.5.3. Kiến trúc

Chùa Thiên Vũ ngày nay là kết quả của các đợt trùng tu vào thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn. Dù trải qua nhiều đợt trùng tu, sửa chữa, song cơ bản vẫn là quy mô cũ. Từng nét chạm gỗ, đường gạch xây có thể nói vẫn còn đủ phong cách tài hoa của những người thợ Việt Nam lành nghề thuở trước. Một cụm kiến trúc tầng tầng lớp lớp có chiều sâu thăm thẳm, cao dần từ ngoài vào trong, mái ngói la đà, rêu phong thấp thoáng ẩn hiện dưới tán cỏ thụ xanh um, tường cũng ít chùa nào sánh kịp. Chùa Thiên Vũ mang nét đẹp của những cổ tự mà nhiều người chúng ta đã được thưởng ngoạn ở vùng Hương Sơn (Hoà Bình), Quốc Oai (Hà Tây), Từ Sơn (Bắc Ninh), Yên Tử (Quảng Ninh)... Chùa ra đời không chỉ nhờ ơn mưa móc của Cửu Trùng theo quan niệm của người xưa, mà còn có sự đóng góp công sức của con người, sự sáng tạo nghệ thuật của các thế hệ cha ông. Ẩn trong khu thiền viên tĩnh lặng còn biết bao đồ trần thiết, đồ tế khí, biết bao tác phẩm mỹ thuật, mỹ nghệ. Chúng ta có thể thấy ở đây đầy đủ các chất liệu gỗ, đá, đồng, sứ, sơn ... Về đồ gỗ sơn thếp, có hàng chục pho tượng, hoành phi, câu đối thếp bạc, sơn then lộng lẫy. Thời gian hơn trăm năm rồi mà sơn vẫn bền, màu vẫn đẹp. Trong tất cả những đồ sơn gỗ, đáng lưu ý là hệ thống tượng Pháp sống động, giàu tính Phật thoại như bộ tượng Tam Thế, Di Đà, Tam Tôn, Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc Đẩu, Địa Tang, Thánh Tăng, các vị tổ. Quan Âm toạ sơn, Quan Âm Tống Tử, Mục Liên và Xá Lợi Phất ... Đặc biệt là pho Thổ Địa mang hình dáng của một cụ gia râu tóc bạc phơ như cước, phúc hậu, đầy vẻ cương nghị, tay trái cụt sát vai. Thần thái toát lên ý tưởng “Thổ địa, Long thần an táng hộ Pháp”, cánh tay trái của Ngài bị mất là câu chuyện dài về “Tham, Sân, Si” của con người.

Chùa còn bảo lưu được quả chuông “Thiên Vũ Tự Chung” thời Tây Sơn. Chuông cao 92cm, đường kính rộng 47cm, quai là hai con rồng đầu thân vào

nhau, đầu rồng được tía tốt công phu. Quanh thân chuông có 4 cặp núm hình bát úp là đặc điểm riêng của chuông đồng thời Tây Sơn. Thân chuông khắc chìm bài minh văn bằng chữ Hán, hầu như kín mặt chuông. Về văn tự cổ, ngoài minh chuông còn có 5 tấm bia đá, trong đó đáng quan tâm hơn cả là tấm bia “Thiên Vũ chi bi” được soạn năm 1606.

Những di vật quý chùa Thiên Vũ là chứng tích của nền nghệ thuật dân tộc. Những báu vật đó đang ẩn chứa nhiều nội dung cao quý đáng làm giáo cụ lịch sử văn hoá để dạy dỗ con cháu đời đời.

2.3.6. Chùa Mai Động

Cùng với chùa Thiêm Khê chùa Mai Động là một công trình lưu niệm về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mông - Nguyên lấy lòng của dân tộc.

2.3.6.1. Vị Trí Chùa

Chùa Mai Động hiện nay được xây cất trên sườn dãy núi Yên Ngựa, xung quanh là xóm thôn đã trở nên đông đúc, quây quần. Chùa quay theo hướng Nam

2.3.6.2. Kiến trúc

Chùa mang tên chữ là "Lễ Sơn tự" chùa là một công trình kiến trúc có qui mô tương đối lớn, nổi tiếng của huyện Thủy Đường (nay là huyện Thủy Nguyên), một trung tâm phật giáo trong vùng, một sơn môn danh tiếng của dòng thiền Trúc Lâm.

Chùa Mai Động được xây dựng trên mảnh đất đã từng là kho quân lương tiền phương của quân đội nhà Trần, nhờ địa thế hiểm trở lại kề gần tiến nước vừa đảm bảo bí mật, an toàn, lại vừa thuận tiện cho việc vận chuyển .

Chùa có bố cục hình chữ 丁 - Đinh, gồm 3 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Phía trước có khu vườn tháp với 4 ngôi tháp mộ cổ kính.

Hệ thống tượng pháp rất quý hiếm được bài trí trong toà hậu cung trên những bệ thờ xây bằng gạch cấp gôi, chắc khoẻ, thứ tự là các bộ. Tượng Tam thế 3 pho, tiếp đến là hàng tượng. Quan âm ngồi giữa, hai bên có hai vị Bồ Tát, hàng thứ ba có tượng Quan âm tọa sơn và Phổ Hiền Bồ Tát, hàng thứ tư ở giữa là tượng Thích Ca sơ sinh, hai bên là Nam. Tào Bắc Đẩu Ngoài ra, ban thờ bên trái toà tiền đường có tượng Thánh tăng

Bên phải thờ Đức Ông. Trong số các pho tượng cổ trên có hai pho tượng Bồ Tát được tác bằng đá, thể hiện. Trong tư thế ngồi thiền trên đài sen, được đúc liền một khối. Thân tượng hơi bần, dáng hơi gù có chiều cao 60cm, đài sen cao 10 chỉ mang phong cách nghệ thuật điêu khắc thời Mạc. Trong chùa còn lưu giữ những di vật quý giá. Đây là một cây cột gọi là Thạch thiên đài, trụ dựng ở sân chùa có hình chữ nhật vuông (cao 1,65m, rộng 22cm). Đỉnh cột tạo dáng búp sen tròn trên một đầu vuông thắt đáy (cạnh trên 38cm, cạnh dưới 30cm và chiều cao 16cm). Mặt trên đầu sen trang trí hình cánh sen đẹp, mỗi cạnh ba cánh. Trụ đá, hai đầu tạo đầu vuông. Đầu phía trên, mặt trước, mặt sau chạm nổi rồng và phượng đối nhau, hai bên mặt chạm cánh sen cách điệu. Đầu vuông chân cột mặt trước chạm nổi hình thú vờn chân, mặt sau chạm 3 con cá chụm đầu vào nhau tạo thành bông hoa ba cánh và hai mặt bên chạm bông sen mãn khai. Diềm cột trụ chạy hàng hoa dây cúc, rồng, phượng. Thân trụ khắc chìm chữ Hán trong ô tạo dáng cánh sen chữ 日 - Nhật.

Do những giá trị lịch sử - văn hoá cùng cảnh quan khu vực mang nhiều nét tiêu biểu của nhân dân ta nên chùa đã được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hoá năm 1996.

2.4. Giá trị của Chùa tại Thủy Nguyên

2.4.1. Giá trị lịch sử

Thủy Nguyên là một huyện có bề dày truyền thống lịch sử văn hoá vào bậc nhất của Hải Phòng. Thủy Nguyên cũng là nơi diễn ra những chiến công lẫy lừng trong lịch sử dân tộc: Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán năm 938, Lê Đại

Hành đại phá quân Tống năm 981, Trần Hưng Đạo đại thắng quân Nguyên Mông năm 1288. Thủy Nguyên là cửa ngõ ra vào của vùng biển Đông Bắc nên nhiều cuộc khởi nghĩa chống triều đình và nội chiến thời phong kiến còn ghi dấu ở đây. Có thể nói lịch sử Thủy Nguyên là lịch sử khai hoang lấn biển và lịch sử chiến đấu để giữ gìn, xây dựng mảnh đất thiêng liêng của mình.

Chính vì thế khi đến tham quan các chùa ở đây giúp cho du khách hiểu và cảm nhận được quá trình cư dân khai phá mở rộng đất đai lập làng, lập ấp, giữ gìn bờ cõi đất nước. Đây là một quá trình lâu dài đòi hỏi các thế hệ cư dân phải chung lưng đấu cật để chống chọi với sự khắc nghiệt của thời tiết. Đồng thời phải chịu tác động của các yếu tố xã hội như các cuộc xâm lấn của giặc biển, của phong kiến Phương Bắc hình thành trên vùng đất tiền tiêu của tổ quốc những xóm làng đông đúc trù phú. Mảnh đất Thủy Nguyên với một nền kinh tế biển với nét đặc trưng kết hợp khai thác các nguồn lợi kinh tế đó, cư dân ở đây đã tạo lên một hệ thống các chùa làm nơi sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt tâm linh và nơi tổ chức ngày lễ hội gắn với chiến công của vị tướng thời nhà Trần và các bậc tiền công.

Trong suốt tiến trình lịch sử các thế hệ cư dân Thủy Nguyên đã có những đóng góp lớn trong việc trấn ải vùng đất Đông Bắc của tổ quốc, Vùng đất luôn phải đối mặt với kẻ thù xâm lăng. Trong lịch sử, con người Thủy Nguyên đã thể hiện ý chí kiên cường, lòng dũng cảm làm lên những chiến thắng vang dội trong kịch sử dân tộc. Tiêu biểu như chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 của vua tôi nhà Trần đã để lại những bài học lịch sử góp phần giáo dục lòng yêu quê hương đất nước cho các thế hệ người Việt Nam nói chung, Thủy Nguyên nói riêng

Qua các hiện vật lịch sử còn lại đến ngày nay, qua dấu tích lịch sử vùng đất Thủy Nguyên, chúng ta thấy được chứng tích của một nền kinh tế phát triển, một vùng đất trù phú, đồng thời thấy được thời kì đất nước bình yên, người dân nơi đây đã tạo ra và tu bổ đình chùa làm nơi hội họp và để tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, các vị khai canh, khai cơ đã lập lên vùng đất này.

2.4.2. Giá trị cộng đồng

Qua nghiên cứu lịch sử của Thủy Nguyên, có thể nói vùng đất Thủy Nguyên có hoạt động quần cư từ rất sớm, trước một môi trường khí hậu khắc nghiệt những cư dân ở đây phải có sự đoàn kết, cố kết cộng đồng rất cao để chống chọi lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên và giặc ngoại xâm để cùng nhau tồn tại. Tính cộng đồng của cư dân thể hiện rất rõ nét qua các di tích và lễ hội. Các di tích lễ hội luôn coi là biểu hiện cho khát vọng chung của cộng đồng về một cuộc sống ổn định trù phú.

Người dân nơi đây coi chùa là biểu tượng cao nhất linh thiêng nhất của cộng đồng. Việc xây dựng các ngôi chùa đòi hỏi phải có sức người sức của rất lớn. Nếu không có ý thức cộng đồng thì không thể xây dựng được các ngôi chùa đó. Do đó việc xây dựng được các ngôi chùa đã khó việc bảo quản các ngôi chùa đó, tu bổ và giữ gìn nó còn khó hơn nhiều lần, nó đòi hỏi ý thức cộng đồng rất cao, nó đòi hỏi mọi người cùng chung sức đóng góp.

Với cộng đồng làng xã, các lễ hội diễn ra trên địa bàn huyện không chỉ là môi trường cộng cảm văn hoá mà còn là môi trường để giáo dục cho các thế hệ con cháu, trao truyền lại những giá trị văn hoá từ ngàn xưa để lại. Hoạt động lễ hội gắn kết các thành viên trong cộng đồng trên cơ sở sự thống nhất về văn hoá giữa thế hệ này với thế hệ khác.

Để tổ chức lễ hội, Thủy Nguyên có những thuận lợi mà không phải nơi nào cũng có được, đó là yếu tố con người. Có thể nói mỗi người dân Thủy Nguyên dường như từ nhỏ đã được “Tắm mình” trong những lễ hội của dòng họ, làng xã nên ý thức sinh hoạt cộng đồng nhất là tham gia vào các lễ hội rất tự nhiên, tự nguyện. Các nghi thức tế lễ rất thuần thực. Do vậy việc huy động lực lượng tham gia vào lễ hội là điều mà ban tổ chức không phải lo nghĩ. Điều đó thể hiện tinh thần cộng đồng của người dân thủy Nguyên là rất cao.

Lễ hội mang tính cộng đồng rất cao, đặc biệt là các lễ hội dân gian truyền thống thì tính cộng đồng càng thể hiện sâu sắc. Trong ngày lễ tất cả mọi người

dân trong làng đều tập trung chuẩn bị cùng hoà mình tham gia lễ hội. Đây chính là biểu hiện cao nhất của ý thức cộng đồng.

Lễ hội còn đem lại cho con người sự bình đẳng trong lễ hội không có sự phân biệt đẳng cấp, sang hèn. Mọi người đều tham gia và hưởng thụ như nhau từ vua quan đến người dân đều bình đẳng trước cộng đồng và trước thần linh. Lễ hội góp phần làm con người đoàn kết gắn gũi với nhau hơn từ đó làm lên một cộng đồng lớn, một quần thể gắn bó tràn đầy sức mạnh. Có thể nói “ Lễ hội chính là cuộc đời thứ hai bên cạnh cuộc đời thật”.

2.4.3. Giá trị tâm linh

Cùng với sự phồn thịnh và giàu có của đời sống vật chất thì yếu tố tâm linh trong đời sống con người cũng ngày càng được đề cao và linh thiêng hoá. Cũng giống như các nơi khác, đời sống tâm linh của cư dân ở Thủy Nguyên cũng dựa trên nền chủ đạo là tín ngưỡng phật giáo. Lên chùa lễ Phật không phải chỉ là việc làm của các Phật tử, mà là của đông đảo các tầng lớp nhân dân và thật sự là nét đẹp trong việc giữ gìn bản sắc dân tộc. Lên chùa lễ Phật là việc làm thuộc cõi tâm linh, trước hết nó giúp người dân gác lại mọi lo toan nhọc nhằn của đời thường hoặc những sầu não về tinh thần vật chất trong cuộc mưu sinh hàng ngày, lên chùa lễ Phật còn đem lại cho họ những giây phút thanh thản, hướng tới cái Thiện, cái Chân, cái Mĩ của cuộc sống.

Chùa là sản phẩm của lịch sử được trao truyền qua nhiều thế hệ, phản ánh một cách sinh động các sự kiện lịch sử hào hùng. Thời gian qua đi cuộc sống của con người thay đổi, nhưng các ngôi chùa vẫn giữ được nguyên vẹn giá trị tâm linh, giá trị văn hoá của nó. Các giá trị đó qua các thế hệ lại được gạn đục khơi trong để trở thành phong tục truyền thống thể hiện truyền thống văn hóa của cộng đồng.

2.4.4. Giá trị văn hóa

Nét đầu tiên thể hiện giá trị văn hóa chùa Thủy Nguyên chính là kiến trúc. Tất cả ngôi chùa ở đây đều mang đậm dấu ấn triết lý Á Đông. Những tinh hoa

của nền triết lý này đã được thể hiện thành kiến trúc, hoa văn biểu tượng của ngôi chùa. Ngôi chùa cũng được phối trí hài hòa với cảnh sắc thiên nhiên. Hình ảnh và môi trường của ngôi chùa gợi lên trong mọi người những cảm xúc thăng hoa, thanh thoát.

Nét văn hóa mang tính hướng nội của ngôi chùa là nếp sống, sinh hoạt. Chính nếp sống giới định tuệ của tăng đồ đã tạo thành năng lực tự nội và mang sức ảnh hưởng lan tỏa đến xung quanh. Người xuất gia là thiền gia, sinh hoạt nhà chùa là sống thiền và cảnh chùa là cảnh thiền. Cảnh thiền môn luôn là không gian yên tĩnh, trầm mặc, linh thiêng. Chính khung cảnh thiền vị, thoát tục của ngôi chùa đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của người dân xung quanh.

Nét văn hóa độc đáo của ngôi chùa còn được thể hiện qua cơ sở giáo dục văn hóa. Một ngôi chùa được xây dựng lên là do bá tánh đóng góp. Trong xã hội cũ chùa làng được dân làng xây cất. Do vậy, chùa là của chung và là nơi tổ chức hội họp, sinh hoạt văn hóa. Như thế ngoài chức năng tôn giáo chùa còn là cơ sở sinh hoạt văn hóa.

2.5. Thực trạng hoạt động du lịch tại hệ thống Thủy Nguyên

2.5.1. Thực trạng hoạt động du lịch

Mặc dù mang rất nhiều giá trị về lịch sử, tâm linh, văn hóa, kiến trúc, cộng đồng. Nhưng hiện tại ngành du lịch của huyện Thủy Nguyên dường như vẫn chưa khai thác được nhiều giá trị, chưa thực sự đi sâu nghiên cứu cụ thể chi tiết.

Các ngôi chùa chỉ thu hút du khách tham quan lễ phật vào dịp lễ hội đầu năm từ mùng 6 tháng 1 đến mùng 9 tháng 3 âm lịch. Vào lúc này tại các chùa sẽ diễn ra các lễ hội với các quy mô khác nhau. Thời gian còn lại hầu như chỉ còn nhân dân địa phương đến chùa với mục đích tâm linh hướng Phật.

Bên cạnh đó thì hoạt động du lịch tác động không nhỏ đến đời sống của người dân trong vùng, tạo thêm nguồn thu nhập để cải thiện đời sống, song mặt trái của nó cũng bắt đầu tác động đến đời sống của dân làng đó là tình trạng giá cả đắt đỏ, nạn buôn bán cổ vật và các tệ nạn xã hội cũng bắt đầu nảy sinh.

Thực trạng đó đòi hỏi các cấp chính quyền và ngành du lịch nơi đây phải có định hướng đúng đắn đối với việc phát triển du lịch, tìm ra phương hướng để phát triển du lịch ổn định, bền vững và có biện pháp để ngăn chặn kịp thời những tệ nạn xã hội để giữ gìn bản sắc văn hoá nơi đây.

2.5.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh du lịch bao gồm: Cơ sở lưu trú, ăn uống, phương tiện vận chuyển, các phương tiện vui chơi giải trí là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh du lịch.

Hiện nay xung quanh các ngôi chùa trên địa bàn Thủy Nguyên có rất ít các nhà nghỉ và nhà hàng phục vụ khách du lịch. Phần lớn các nhà nghỉ các khách sạn lớn đều tập trung khu vực Thị trấn Núi Đèo, Thị trấn Minh Đức và một số khu vực khác.

Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn huyện đảm bảo sự thuận tiện thông suốt. Toàn huyện đạt mức 20 máy/100 dân. Đảm bảo 100% các thôn xóm vùng sâu, làng xã địa bàn xung quanh các ngôi chùa đều có điện thoại, đáp ứng kịp thời các nhu cầu thông tin liên lạc của du khách.

Nếu như trước kia các hộ dân sống xung quanh chùa đều sử dụng nước giếng khoan, nước mưa thì bây giờ 100% hộ dân được sử dụng điện và nguồn nước hợp vệ sinh. Hệ thống điện nước được đầu tư hiện đại phục vụ đắc lực cho việc phát triển du lịch tại huyện.

Về phương tiện vận chuyển, kinh doanh hiện nay Huyện đã đáp ứng được tương đối nhiều xe ô tô từ 4 đến 45 chỗ ngồi, hoạt động vận chuyển khách du lịch, trong đó có nhiều xe có chất lượng cao.

Có thể nói cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch ở Thủy Nguyên là điều kiện tiên quyết để có thể khai thác các giá trị hệ thống chùa Thủy Nguyên phục vụ du lịch, nhưng điều kiện này còn chưa đáp ứng được nhu cầu, hệ thống giao thông

đến một số ngôi chùa nhiều nơi còn khó khăn, cơ sở lưu trú, nhà hàng phục vụ ăn uống nhỏ lẻ mới chỉ đáp ứng phần lớn nhu cầu thông thường.

2.5.3. Công tác quản lý và tổ chức khai thác

Thủy Nguyên là huyện có tài nguyên du lịch khá phong phú và đặc sắc. Tuy nhiên việc nhận thức của cơ quan chính quyền và người dân địa phương về việc khai thác các giá trị tài nguyên du lịch còn rất hạn chế, tùy tiện chưa có quy hoạch tổng thể để định hướng khai thác các di tích một cách hợp lý và có hiệu quả.

Tại các ngôi chùa người dân địa phương tự huy động kinh phí sửa chữa, tu bổ không làm đúng văn bản hướng dẫn, việc tu bổ còn mang tính tự phát, thiếu sự giám sát của cơ quan quản lý chuyên ngành. Chính sự tự giác đó dẫn đến làm phá vỡ kiến trúc Phật giáo nguyên gốc của rất nhiều ngôi chùa. Hơn nữa việc tu bổ lại một số ngôi chùa trên địa bàn do một số nhà sư chủ trì mời một số cá nhân đứng ra tu tạo nên phần nhiều mang tính chủ quan và phá vỡ một số kiến trúc có giá trị do họ không hiểu hết được giá trị đích thực của chúng.

Việc khai thác các chùa Thủy Nguyên vào hoạt động du lịch còn mang tính tự phát quy mô nhỏ, hiệu quả chưa cao nên gây nhiều lãng phí tài nguyên. Trong khi đó việc khai thác các tiềm năng này thiếu một sự gắn kết chặt chẽ với các hoạt động khác của tỉnh, do huyện Thủy Nguyên chưa có một trung tâm lễ hành cho nên các chương trình du lịch được thiết kế chào bán và tổ chức từ các doanh nghiệp của tỉnh chỉ tập trung vào khai thác hiệu quả hơn tiềm năng du lịch của huyện làm tăng số lượng khách đến các di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn huyện.

Mặc dù Thủy Nguyên có nhiều tiềm năng và điều kiện để phát triển du lịch nhưng công tác quản lý, bảo vệ, tôn tạo các ngôi chùa trên địa bàn huyện chưa được chú trọng dẫn đến nhiều ngôi chùa đã bị xuống cấp hoặc bị phá hủy, bỏ hoang. Việc quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn huyện còn hạn chế và có

nhiều vấn đề bất cập, chưa có cán bộ chuyên ngành hiểu biết và có kiến thức sâu về vấn đề này.

Các lễ hội ở chùa Thủy Nguyên đều mang nhiều nét dân gian truyền thống của một vùng quê Bắc Bộ. Cả phần nghi lễ và phần hội đều mang đậm bản sắc văn hoá có tính biểu cảm và tính nhân văn sâu sắc. Tuy nhiên những năm gần đây do sự phát triển của kinh tế nền kinh tế thị trường giao lưu với văn hoá nước ngoài, nhiều lễ hội đã có phần bị biến dạng lai căng, một số nghi thức ở phần hội bị mai một làm mất giá trị nhân văn vốn có của chúng,

2.5.4. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội

Các ngôi chùa tại Thủy Nguyên trải qua thời gian do sự tác động của môi trường, thiên nhiên nên đã có một số di tích bị xuống cấp. Mặt khác hoạt động du lịch vào mùa cao điểm diễn ra ồ ạt làm cho môi trường ngày càng bị suy thoái. Tại các ngôi chùa vào những tháng diễn ra lễ hội, lượng khách đến rất đông, hiện tượng xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường làm mất đi cảnh quan thoáng mát, trong lành làm cho môi trường ở đó bị ảnh hưởng. Hơn nữa khi du khách đến tham quan còn có hiện tượng viết vẽ lên tường, sờ xoa vào hiện vật, làm giảm đi giá trị thẩm mỹ của di tích.

Mặc dù chính quyền địa phương và người dân địa phương đã có những nhận thức hơn về hoạt động du lịch trong chiến dịch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Nhưng thực tế cho thấy nhận thức này còn rất hạn chế và có nhiều bất cập, nhận thức của người dân trong vùng trọng điểm du lịch và lợi ích trước mắt mà ý thức bảo vệ tài nguyên còn ít quan tâm chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch tương xứng với giá trị vốn có của nó.

Một hiện tượng phổ biến trong các lễ hội tại các ngôi chùa đó là hiện tượng người ăn xin, trẻ em lang thang, gây ra nhiều cảnh tượng không đẹp mắt. Trong khu vực chùa, đội ngũ bán hàng, chụp ảnh chèo kéo khách rất phổ biến gây cảm giác khó chịu cho du khách để lại ấn tượng không tốt.

2.5.5. Khách tham quan du lịch

2.5.5.1. Khách nội địa

Theo kết quả khảo sát cho thấy khách đến thăm quan các ngôi chùa tại Thủy Nguyên từ trước đến nay đa phần là nhân dân địa phương, người dân trong nội thành hay các tỉnh lân cận hay đi lễ đầu xuân qua khu vực Cửa Ông, Yên Tử biết tiếng của khu di tích đền thờ Trần Quốc Bảo và chiến thắng Bạch Đằng lịch sử nên họ ghé vào thăm quan các ngôi chùa trên địa bàn huyện.

2.5.5.2. Khách quốc tế

Khách du lịch quốc tế tại Thủy Nguyên đa phần là những người sống và làm việc tại đây tập trung rất đông tại khu công nghiệp Minh Đức. Ngoài ra gần đây rất nhiều khách du lịch Hàn Quốc sang Thủy Nguyên tham quan.

Bảng thống kê số lượng khách du lịch đến với Thủy Nguyên

Năm	2009	2010	2011
Khách (Nghìn lượt)	9.259	11.181	14.212

(Số liệu lấy từ phòng văn hóa huyện Thủy Nguyên)

Qua bảng thống kê trên cho thấy số lượng khách đến với chùa Thủy Nguyên ngày một tăng, do huyện đã đẩy mạnh công tác quảng bá tuyên truyền, xúc tiến du lịch. Tăng cường thông tin cho du khách và đặc biệt là nâng cao nhận thức người dân về việc bảo tồn các di tích đặc biệt là các ngôi chùa trên địa bàn huyện.

2.5.6. Tổng kết đánh giá thuận lợi khó khăn đang tồn tại.

2.5.6.1. Thuận lợi

Thủy nguyên là huyện có tiềm năng du lịch rất lớn. Với 99 ngôi chùa được phân bố rộng khắp trên địa bàn huyện cùng nhiều di tích lịch sử văn hóa khác. Đây là điều kiện lý tưởng cho phép huyện Thủy Nguyên phát triển một cách nhanh chóng và bền vững nhiều loại hình du lịch khác nhau như: du lịch văn hóa, du lịch lễ hội, du lịch tâm linh.

Huyện Thủy Nguyên đã đặt ra mục tiêu và phương hướng trong những năm tới là không ngừng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo ra sức hấp dẫn với du khách đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành du lịch ở Thủy Nguyên. Từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện. Việc phát triển mạnh ngành du lịch sẽ có tác dụng thúc đẩy việc tôn tạo tu bổ các di tích lịch sử văn hóa mà trọng điểm chính là các ngôi chùa trên địa bàn huyện.[3;25]

Mặc dù các chùa trên địa bàn huyện Thủy Nguyên hiện nay hầu hết không còn giữ được những nguyên vẹn như trước nữa. Nhưng ở các ngôi chùa đều giữ gìn được rất nhiều các hiện vật có giá trị lịch sử văn hóa quan trọng đây là tiền đề để khai thác thu hút khách du lịch trong và ngoài nước về tìm hiểu và tham quan du lịch.

Hệ thống giao thông vận tải tại Thủy Nguyên được đánh giá là tương đối tốt, với hệ thống cầu phà được đầu tư tương đối hiện đại, với nhiều tuyến đường huyết mạch quan trọng chạy qua. Huyện Thủy Nguyên có 405 km đường mật độ 1,67 km/km². Các tuyến đường chạy qua huyện có đoạn quốc lộ 10 cũ(Cầu bính-Phà Rừng) dài 14km và đoạn quốc lộ 10 từ cầu Kiền đến cầu Đá Bạc dài 14km. Hiện nay 100% các xã có đường ô tô vào đến trung tâm. Đây chính là nền tảng quan trọng để khai thác du lịch tại các ngôi chùa trên địa bàn huyện

2.5.6.2. Khó khăn

Mặc dù với số lượng chùa rất lớn 99 ngôi chùa phân bố trên khắp các xã của huyện trong đó có rất nhiều các ngôi chùa cổ, các lễ hội dân gian nổi tiếng thu hút du khách. Tuy nhiên trong những năm qua hoạt động du lịch trên địa bàn huyện còn đơn lẻ chưa tương xứng với tiềm năng.

Dân cư ở Thủy Nguyên trình độ còn nhiều hạn chế, do chưa có điều kiện phát triển bằng khu vực thành phố, nên đội ngũ nhân viên làm việc trong các công ty lữ hành, nhà hàng, khách sạn có trình độ đại học còn ít chủ yếu là những người được đào tạo qua trung cấp. Đây là hạn chế với việc phát triển du lịch tại

Thủy Nguyên nói chung và với chùa tại Thủy Nguyên nói riêng vì vai trò của họ rất quan trọng. Họ chính là người giúp du khách hiểu biết về nơi đến, những phong tục tập quán văn hóa của người dân địa phương.

Ở Thủy Nguyên rất ít các công ty du lịch, phần lớn các công ty ở đây đều là các công ty nhỏ chưa có các công ty lớn và hoạt động có quy mô. Vì vậy việc triển khai các chương trình du lịch tại Thủy Nguyên thăm quan khai thác giá trị tại các ngôi chùa tại địa bàn huyện là rất khó khăn vì để triển khai phải có sự phối kết hợp đồng bộ giữa chính quyền với các công ty du lịch lữ hành tại địa phương trong việc xây dựng tour-tuyến quảng bá sản phẩm du lịch đến với du khách trong và ngoài nước.

Hiện nay rất nhiều ngôi chùa Thủy Nguyên tuy đã được tu bổ xây dựng là khang trang nhưng vấn đề quan trọng đó là gốc tích và lịch sử của chùa thì lại bị lãng quên do các tài liệu ghi chép đều đã bị thất lạc trong thời kì chiến tranh còn các cụ cao niên trong làng thì đều đã gần đất xa trời.

Công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên du lịch tại chùa trong các dịp diễn ra lễ hội chưa được quan tâm thường xuyên, phát triển du lịch mà chưa đồng thời với công tác bảo vệ môi trường và thuần phong mỹ tục của địa phương

Muốn phát triển du lịch tại các ngôi chùa trên địa bàn huyện Thủy Nguyên cần có một lượng lớn tiền để tu bổ sửa sang lại chùa. Tức là phải có nguồn thu ổn định từ du khách qua các dịch vụ. Tuy nhiên ở Thủy Nguyên tình trạng đang phổ biến đó là sự thiếu vắng các loại hình dịch vụ bổ trợ, cao cấp dẫn đến khả năng chi tiêu của khách bị hạn chế

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã giới thiệu khái quát về huyện Thủy Nguyên, hệ thống chùa tại Thủy Nguyên từ đó đi sâu giới thiệu một số ngôi chùa cổ có giá trị nổi bật tại địa bàn huyện.

Qua chương 2 ta thấy được: Đặc điểm của hệ thống chùa tại Thủy Nguyên sự khác nhau giữa chùa Thủy Nguyên với hệ thống các chùa tại miền trung và Miền Nam.

Thực trạng phát triển du lịch tại các chùa trên địa bàn huyện Thủy Nguyên. Ưu nhược điểm việc khai thác giá trị văn hóa lịch sử của chùa Thủy Nguyên phục vụ du lịch.

Các giá trị lịch sử, văn hóa, cộng đồng, tâm linh mà hệ thống chùa ở Thủy Nguyên đem lại

Từ thực trạng phát triển du lịch tại các chùa trên địa bàn huyện Thủy Nguyên ở chương 2 có thể đưa ra những đề xuất đóng góp để bảo tồn và phát huy giá trị và khai thác một cách có hiệu quả nhất tiềm năng du lịch tại các chùa Thủy Nguyên

CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAİ THÁC CỎ HIỆU QUẢ GIÁ TRỊ VĂN HÓA, LỊCH SỬ CỦA HỆ THỐNG CHÙA THỦY NGUYÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Những giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả giá trị văn hóa lịch sử của hệ thống chùa Thủy Nguyên phục vụ cho việc phát triển du lịch

Trên mọi miền đất nước hình ảnh ngôi chùa đã trở nên thân quen với tất cả mọi người, nó là sự kết tinh muôn đời của người Việt Nam nói chung và người dân Thủy Nguyên nói riêng. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, ngôi chùa đã thực sự là biểu hiện sinh động các giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc. Mặc dù quá trình tồn tại, phát triển của Phật giáo và ngôi chùa ở địa phương thuộc miền duyên hải bắc bộ này trải qua nhiều khúc quanh thăng trầm nhưng ngôi chùa vẫn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư bản địa. Chùa là một thành tố quan trọng của môi trường xã hội làng xã truyền thống là thông điệp của quá khứ gửi lại cho thế hệ sau. Hơn thế nữa chùa tại Thủy Nguyên còn là nhân tố quan trọng để huyện có thể phát triển và đa dạng hóa ngành du lịch của mình.

Với vai trò là người nghiên cứu, qua thực tế quá trình tìm hiểu về hệ thống chùa tại Thủy Nguyên giá trị lịch sử, văn hóa thực trạng bảo tồn, khai thác du lịch. Người viết xin đưa ra một số giải pháp đóng góp cho công tác giữ gìn và khai thác một cách có hiệu quả các giá trị của hệ thống chùa Thủy Nguyên phục vụ phát triển du lịch.

3.1.1. Giải pháp bảo tồn, tôn tạo di tích

Để phục dựng lại các ngôi chùa trên địa bàn huyện đã biến dạng hoặc bị biến mất trở lại nguyên trạng là rất khó khăn. Vì thế trong quá trình trùng tu sửa chữa hay xây dựng chùa ở Thủy Nguyên, không được gượng ép tùy tiện thay đổi những môtip truyền thống. những giá trị thẩm mỹ của ngôi chùa cần phải chú trọng. Càng ngày, trình độ cảm thụ thẩm mỹ của người dân địa phương càng

cao. Tránh kiến trúc lòe loẹt chấp vá. Những yếu tố trang nghiêm thanh thoát, hài hòa của nghệ thuật cổ cần phải kế thừa, kết hợp với nghệ thuật mới có sáng tạo để đạt giá trị thẩm mỹ. Để làm được điều này, cần thành lập các ban quản lý giám sát việc tu bổ tại các ngôi chùa. Cần có sự tham khảo ý kiến của những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực kiến trúc điêu khắc, những nhà nghiên cứu lịch sử trong quá trình sửa chữa tôn tạo.

3.1.2. Thu hút vốn đầu tư

Để có thể bảo tồn tôn tạo các ngôi chùa trên địa bàn huyện Thủy Nguyên trước hết phải thu hút được các nguồn vốn đầu tư. Trong những năm qua vốn đầu tư để xây dựng tu bổ lại các ngôi chùa trên địa bàn huyện Thủy Nguyên rất thiếu trong khi việc đầu tư ngân sách huyện lại thiếu đồng bộ kém hiệu quả. Đây là thách thức không hề nhỏ với việc khai thác các giá trị của chùa Thủy Nguyên phục vụ việc phát triển du lịch.

Trong thời gian tới huyện cần phải thực hiện triệt để phương châm “Nhà nước nhân dân cùng làm” Huy động các nguồn vốn trong xã hội từ nhân dân địa phương, việt kiều xa quê, hay các doanh nghiệp muốn đầu tư.

Bên cạnh đó huyện Thủy Nguyên cần xác định đúng mục tiêu về đầu tư phát triển của mình. Phân bổ nguồn vốn hợp lý tập trung vốn vào việc trùng tu tu bổ lại các ngôi chùa cổ lâu đời, tránh dàn trải.

Đồng thời cũng cần đầu tư cho việc tu bổ tôn tạo di tích từ ngân sách nhà nước và ngân sách của thành phố.

3.1.3. Xây dựng các chế tài các quy định cụ thể đối với du khách và dân cư sở tại

3.1.3.1. Xây dựng các biển chỉ dẫn cho khách bằng tiếng việt kèm theo tiếng anh cụ thể và đầy đủ

Trên thực tế điều này có tác dụng chính nhằm hướng dẫn cho du khách đi và đến những nơi theo mong muốn của họ và như vậy sẽ không bị lãng phí thời

gian. Tuy nhiên bên cạnh những biển chỉ dẫn đó nếu có thêm những biển hướng dẫn du khách nơi bỏ rác hoặc những biển ngữ mang tính chất tuyên truyền về hành vi bảo vệ môi trường thì chắc chắn sẽ có tác dụng lớn.

3.1.3.2. Quy định về mức hình thức phạt cụ thể đối với những hành vi cố tình làm ảnh hưởng xâm hại đến hiện vật

Phải có những quy định về mức xử phạt cụ thể với những hành vi cố tình làm xâm hại đến hiện vật. Thực tế hiện nay trên đất nước ta chưa đâu thực hiện việc xử phạt này. Tuy nhiên nếu làm được điều này thì hiệu quả sẽ rất rõ rệt ngay trong việc bảo tồn các ngôi chùa trên địa bàn huyện cũng như nâng cao ý thức của du khách và dân cư trên địa bàn. Vì vậy để thực hiện giải pháp này cần có khoảng thời gian là bước đệm trước khi chính thức thực hiện.

3.1.4. Giải pháp về xúc tiến tuyên truyền quảng bá

Để góp phần nhanh sự phát triển du lịch tại huyện trong thời gian tới cần phải đầu vào công tác xúc tiến chương trình quảng cáo du lịch để công tác này thực sự trở thành một nội dung hoạt động quan trọng.

Biên soạn và phát hành các ấn phẩm và thông tin chính thức về hệ thống chùa Thủy Nguyên để giới thiệu với mọi người về con người và cảnh quan, tài nguyên du lịch chùa Thủy Nguyên. Những thông tin cần thiết cho khách như các điểm lưu trú, hệ thống các điểm tham quan, nhà hàng, khách sạn, điều kiện sinh hoạt. Những thông tin này cần đặt ở các đầu mối giao thông như: sân bay, bến xe, bến tàu... Đối với các tờ chỉ dẫn và thông tin sơ lược về khu du lịch có thể kết hợp cùng phương tiện giao thông vận chuyển, phát miễn phí cho khách trên lộ trình qua Thủy Nguyên.

Xúc tiến xây dựng và phát hành rộng rãi các phim ảnh tư liệu về lịch sử văn hoá và các công trình kiến trúc, di tích, danh lam thắng cảnh, các làng nghề, lễ hội và cả những cơ hội và khả năng phát triển du lịch tại chùa Thủy Nguyên để giới thiệu với khách trong và ngoài nước.

3.1.5. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực

Du lịch là ngành kinh tế đòi hỏi có sự giao tiếp rộng và trực tiếp hơn đối với khách, đòi hỏi trình độ phục vụ, phong cách, thái độ giao tiếp của cán bộ nhân viên trong ngành đặc biệt là hướng dẫn viên và lễ tân... Hiện nay nguồn lao động trong lĩnh vực du lịch ở Thủy Nguyên tương đối đông chủ yếu là lao động phổ thông, tỉ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, nghiệp vụ du lịch còn yếu. Do đó để phát triển nguồn nhân lực cần có một chương trình đào tạo toàn diện với kế hoạch cụ thể về đào tạo lại, đào tạo mới, nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ công nhân viên đang hoạt động trong ngành. Cụ thể:

- Tiến hành điều tra phân loại trình độ nghiệp vụ hiện đang công tác và tham gia kinh doanh trong khu vực để có kế hoạch đào tạo cụ thể (đào tạo lại và đào tạo mới đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay.
- Cử cán bộ có trình độ tham gia các vào các cuộc trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ thông qua các chuyên công tác, khảo sát và tham gia hội nghị hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước.
- Xây dựng một chương trình đặc biệt nhằm nâng cao hiểu biết về du lịch, cách ứng xử đối với nhân dân trong vùng thông qua phương tiện đại chúng, hệ thống đào tạo tại các trường phổ thông trong vùng.

3.1.6. Tổ chức các hoạt động xã hội hóa

Song song với việc bảo tồn và phát huy giá trị các ngôi chùa trong hệ thống chùa Thủy Nguyên, lĩnh vực hoạt động xã hội hóa ở chùa cũng cần được quan tâm. Thường xuyên duy trì các hình thức: tổ chức lễ hội và nghi lễ, sinh hoạt thanh thiếu niên và tổ chức các ban hội tương trợ... để cho ngôi chùa luôn có sinh khí.

Tổ chức lễ hội và các nghi lễ là cần thiết. Ngôi chùa chính là nơi linh thiêng để tổ chức lễ hội. Thực tế hiện nay một số ngôi chùa trên địa bàn huyện Thủy

Nguyên, có những lễ hội truyền thống đang bị mai một và phai nhạt dần. Cần khôi phục lại và tổ chức một cách có quy củ, hợp lý những lễ hội tiêu biểu của từng ngôi chùa nhằm phát huy giá trị bản sắc, loại bỏ biểu hiện không phù hợp với truyền thống của con người Việt Nam tạo ra sản phẩm văn hóa lễ hội đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân trong huyện nói riêng và của khách du lịch nói chung.

Trong dịp lễ hội truyền thống cần phải đưa những hoạt động văn hóa mới thiết thực, bổ ích và có hiệu quả kết hợp với việc tổ chức giữ gìn các trò chơi dân gian như kéo co, cờ tướng, cờ người, bắt vịt... đem ra biểu diễn ở sân chùa. Về nghi lễ mỗi chùa cần tổ chức nghi lễ trang nghiêm đem lại cho người Phật tử cũng như du khách niềm thành kính, nhất tâm, không nên tổ chức quá rườm rà không có giá trị nội dung.

Tổ chức các ban hội tương trợ là tổ chức quần chúng dưới hình thức ban hội, tạo cơ hội cho sự phát triển tinh thần thân hữu, sự đoàn kết thương yêu nhau dưới một mái chùa. Tổ chức thăm viếng nhau lúc đau ốm, hoạn nạn an ủi nhau lúc khốn khó, chia sẻ và cầu nguyện cho nhau khi qua đời.

3.2. Những đề xuất kiến nghị với các ban ngành nhằm bảo tồn và khai thác một cách có hiệu quả nhất các giá trị của hệ thống chùa Thủy Nguyên phục vụ hoạt động du lịch.

3.2.1. Đối với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hải Phòng

- Ban hành biện pháp cụ thể về phát triển du lịch tại hệ thống chùa trên địa bàn huyện Thủy Nguyên.
- Phối hợp với UBND huyện Thủy Nguyên nghiên cứu quy hoạch tổng thể du lịch phù hợp với tình hình thực tế.
- Phối hợp với Sở du lịch Thủy Nguyên để có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ lao động trực tiếp.
- Tham mưu xây dựng các chương trình văn hoá nghệ thuật đặc sắc như hát trầu văn, sấm, quan họ... trong các chùa trên địa bàn huyện Thủy Nguyên

3.2.2. Đối với Phòng Văn hóa Thể thao và Du lịch huyện Thủy Nguyên

- Cần có các biện pháp nhằm quảng bá những nét văn hoá đặc sắc, hình ảnh cũng như lịch sử của các chùa ở Thủy Nguyên không chỉ với khách nội địa mà còn với du khách quốc tế.
- Tăng cường quản lí các chương trình du lịch tại các chùa. Kiểm tra và giám sát tất cả các hoạt động diễn ra tại các khu đó để tránh tình trạng mất cắp,... làm mất đi lòng tin của khách du lịch đối với các điểm đến đó.
- Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên có sự am hiểu tốt sâu sắc về lịch sử cũng như các nét văn hóa vốn có của các chùa để có thể tạo dựng được sự quan tâm, chú ý của du khách nhằm phát triển loại hình du lịch này.

3.3. Xây dựng tour du lịch văn hóa Thủy Nguyên

Ngày 1: Núi Đèo – Minh Đức.

+ Sáng: 7giờ đón khách, xuất phát từ thị trấn Núi Đèo, đưa du khách tới thăm chùa Hàm Long, đền Phò Mã và đình Thượng tại thị trấn Núi Đèo.

+ Trưa: Ăn trưa, nghỉ ngơi tại thị trấn Núi Đèo.

+ Chiều: Thăm chùa Mỹ Cự xã Chính Mỹ đây là ngôi chùa cổ nhất Thủy Nguyên.

+ Tối: Xe đưa quý khách về thị trấn Minh Đức ăn tối và nghỉ ngơi tại khách sạn My Sơn ở thị trấn Minh Đức.

_ Ngày 2: Minh Đức- Tam Hưng- Minh Đức.

+ Sáng: Ăn sáng tại Minh Đức, sau đó du khách tới thăm đền Vũ Nguyên xã Tam Hưng, thăm bến đò Phà Rừng và bãi cọc Bạch Đằng năm xưa.

+ Trưa: ăn trưa tại thị trấn Minh Đức.

+ Chiều: thăm cụm di tích đền thờ Trần Quốc Bảo, lăng mộ Trần Quốc Bảo, đền Trần Hưng Đạo.

+ Tối: nghe hát Đúm, ăn và nghỉ tại khách sạn Minh Đức.

_ Ngày 3: Minh Đức - Cầu Giá.

+ Sáng: ăn sáng tại Minh Đức, từ Minh Đức theo đường mới qua xã Gia Đức đến thăm chùa và động Hang Lương, tại đây du khách có thể tổ chức leo núi, vào trong hang thăm động, thăm các di vật còn lưu lại trong chiến trận Bạch Đằng năm 1288.

+ Trưa: ăn trưa tại chân cầu Đá Bạc.

+ Chiều: vào thăm thăm chùa Thiêm Khê (Hoa Linh) nơi đây đã từng diễn ra trận Trúc Động lừng lẫy, tiếp đó quý khách vào thăm chùa Mai Động ở Liên Khê, tại đây du khách có thể tham quan những vườn đồi, vườn cây ăn quả, thưởng thức không khí của thiên nhiên.

+ Tối: ăn tối và nghỉ tại nhà nghỉ Cầu Giá. Buổi tối du khách có thể thuê thuyền đi trên sông Giá nghe giới thiệu về lịch sử Thủy Nguyên.

Ngày 4: Cầu Giá - Núi Đèo

+ Sáng: ăn sáng tại Cầu Giá, sau đó du khách ghé thăm một số làng nghề như làng nghề mây tre đan ở Chính Mỹ, nghề đúc đồng ở Mỹ Đồng và thăm miệt vườn cau Cao Nhân.

+ Trưa: ăn trưa tại thị trấn Núi Đèo.

+ Chiều: vào thăm quan trung tâm thương mại huyện Thủy Nguyên và mua quà lưu niệm. Sau đó lên xe về Hải Phòng.

Tiểu kết Chương 3

Ở chương 3 người viết đã đưa ra những kiến nghị và giải pháp nhằm trùng tu, tôn tạo và bảo vệ các giá trị của hệ thống chùa Thủy Nguyên. Từ đó có thể khai thác một cách tốt nhất các giá trị này phục vụ cho việc phát triển du lịch của Huyện.

Đưa ra giải pháp để bảo tồn tôn tạo hệ thống chùa tại Thủy Nguyên.

Đưa ra giải pháp để thu hút vốn đầu tư phục vụ việc trùng tu tôn tạo hệ thống chùa Thủy Nguyên từ đó có thể khai thác tốt nhất các di tích này để phát triển du lịch của huyện.

Đưa ra một số giải pháp để xây dựng các chế tài các quy định cụ thể đối với du khách và dân cư sở tại.

Các giải pháp về xúc tiến tuyên truyền quảng bá góp phần quảng bá thêm hình ảnh của hệ thống chùa Thủy Nguyên đến với khách du lịch trong nước và quốc tế.

Các giải pháp đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ việc khai thác các giá trị hệ thống chùa Thủy Nguyên phục vụ việc phát triển du lịch.

Để có thể hoàn thành tốt việc này cần có sự chung tay, đoàn kết của nhân dân địa phương và các cấp chính quyền, nhất là các cơ quan văn hóa thông tin trong huyện Thủy Nguyên.

KẾT LUẬN

Phật giáo từ lâu đã thâm nhập vào tâm hồn, nếp nghĩ, lối sống của dân tộc Việt Nam, trở thành bản chất và bản sắc của dân tộc Việt Nam. Phật giáo là tư duy, là cách sống, là phong tục, lễ thói, là tôn ti trật tự gia đình, xã hội, góp phần lớn lao vào sự phát triển xã hội, quốc gia. Để bảo tồn và phát huy đời sống xã hội cũng như tôn giáo, mỗi làng thường có chùa. Ở đâu có người Việt sinh sống là ở đó có chùa. Trong tiến trình thành lập làng xã ở vùng Bắc bộ hay trong tiến trình thành lập làng xã trong cuộc Nam tiến, người Việt Nam định cư tới đâu, lập làng ở đâu là dựng chùa ở đó.

Hệ thống chùa Thủy Nguyên đã ghi dấu và chứa đựng nhiều giá trị văn hoá, giá trị lịch sử gắn liền với bao thăng trầm lịch sử của vùng đất. Thủy Nguyên là vùng đất tụ cư từ rất sớm, trong quá trình sinh sống làm ăn của mình, những con người nơi đây đã tạo nên một quần thể các chùa khang trang, bề thế. Vùng đất này đã gắn liền với những chiến công hiển hách trong chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi vùng biên viễn Đông Bắc tổ quốc. Đến nơi đây, ta sẽ cảm nhận một cách chân thực, sinh động cuộc sống cư dân Thủy Nguyên hôm nay và quá khứ ngàn xưa. Đây là những yếu tố, những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch tại huyện.

Tuy nhiên Thủy Nguyên đang trên đà phát triển du lịch nên còn có nhiều khó khăn thiếu thốn về nhiều mặt. Do đó để khai thác tốt hệ thống chùa Thủy Nguyên cho phát triển du lịch thì các cấp chính quyền địa phương và ngành du lịch cần có những biện pháp để bảo tồn, tu bổ, khôi phục các di tích cho xứng đáng với tầm vóc lịch sử của nó.

Trong thời đại ngày nay, khi nền kinh tế phát triển, con người càng có xu hướng đi du lịch, các quốc gia trên thế giới ngày càng xích lại gần nhau thì nền văn hoá đã trở thành một loại hình hấp dẫn và lôi cuốn được đông đảo khách du lịch. Vì vậy, việc khai thác tài nguyên văn hoá để phát triển du lịch cần gắn liền

với việc giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hoá dân tộc, đảm bảo cho mục tiêu phát triển bền vững.

Chúng ta hãy đến với các ngôi chùa ở Thuỷ Nguyên để chiêm ngưỡng và thưởng thức những nét tài hoa của mỗi công trình lịch sử, chúng ta sẽ hình dung thấy được tâm hồn và mạch sống của cư dân Thuỷ Nguyên. Sẽ thấy được Thuỷ Nguyên có một sức cuốn hút đến vô cùng của một vùng đất mang đậm dấu ấn của những trang sử hào hùng trong chống giặc ngoại xâm và dựng xây đất nước và sẽ cảm nhận được sự khoáng đạt của con người Thuỷ Nguyên, sự tài hoa, khéo léo, luôn biết trân trọng những quá khứ hào hùng của cha ông để lại.

Em xin chân thành cảm ơn Phòng văn hoá thông tin huyện Thuỷ Nguyên, ban quản lý di tích các xã đã cung cấp cho em tư liệu để hoàn thành khoá luận. Em xin cảm ơn các thầy cô giáo trong và ngoài khoa Văn hoá Du lịch Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã tận tình giảng dạy em trong thời gian em học tại trường. Đặc biệt em xin cảm ơn sâu sắc tới ThS Đào Thị Thanh Mai - Người đã giúp em định hướng đề tài, hướng dẫn phương pháp điền dã, thu thập tư liệu và hình thành ý tưởng khoa học được thể hiện trong Khoá luận này.

PHỤ LỤC

Danh sách các di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng cấp thành phố trên địa bàn huyện Thủy Nguyên

STT	Tên di tích	Số, ngày, tháng, năm QĐ	Địa bàn của di tích
1	Chùa Phương Mỹ	52/QĐ - UB 15/01/2001	Thôn Phương Mỹ, xã Mỹ Đồng
2	Đền Mẫu	53/QĐ - UB 15/01/2001	Thôn Kiên Bái, xã Kiên Bái
3	Nghè - chùa Hà Phú	3029/QĐ - UB 30/10/2001	Thôn Hà Phú, xã Hòa Bình
4	Đền - chùa Lương Kệ	85/QĐ - UB 16/01/2002	Thôn Lương Kệ, xã Hòa Bình
5	Đình Hàn Cầu	3037/QĐ - UB 30/10/2001	Thôn Hàn Cầu, xã Chính Mỹ
6	Đền chùa Du Lễ	83/QĐ - UB 16/01/2002	Thôn Du Lễ, xã Tam Hưng
7	Đình Đoan Lễ	84/QĐ - UB 16/01/2002	Thôn Đoan Lễ, xã Tam Hưng
8	Đình - chùa Dục Liễn	2848/QĐ - UB 21/11/2002	Thôn Dục Liễn, xã Thủy Sơn
9	Đình Trung	2848/QĐ - UB 21/11/2002	Thôn Thường Sơn, xã Thủy Sơn
10	Chùa Phù Lưu	2848/QĐ - UB 21/11/2002	Thôn Phù Lưu, xã Phù Ninh
11	Đình Chiếm Phương	355/QĐ - UB 11/02/2003	Thôn Chiếm Phương, xã Hòa Bình

12	Đình - chùa Thái Lai	355/QĐ - UB 11/02/2003	Thôn Thái Lai, xã Cao Nhân
13	Đình - chùa Phù Liên	179/QĐ - UB 16/01/2004	Thôn Phù Liên, xã Thủy Sơn
14	Chùa Phục Lễ	2264/QĐ - UB 19/09/2003	Xã Phục Lễ
15	Chùa Cao Kênh	2266/QĐ - UB 19/09/2003	Thôn Cao Kênh, xã Hợp Thành
16	Chùa My Sơn	2263/QĐ - UB 19/09/2003	Xã Ngũ Lão
17	Miếu Phả Lễ	178/QĐ - UB 28/01/2005	Xã Phả Lễ
18	Từ đường họ Bùi	734/QĐ - UB 11/05/2005	Thôn Thiên Đông, xã Đông Sơn
19	Cụm di tích Trại Sơn	734/QĐ - UB 11/05/2005	An Sơn
20	Đình - đền Tuy Lạc	178/QĐ - UB 28/01/2005	Xã Thủy Triều
21	Chùa Tả Quan	1899/QĐ - UB	Xã Dương Quan
22	Phủ Đường Thủy Nguyên	244/QĐ - UB 09/02/2007	Xã Thiên Hương
23	Đền Nghè - Đền Chợ Giá	2177/QĐ - UB 07/11/2007	Xã kênh Giang
24	Đình Thượng, chùa Hàm Long	2175/QĐ - UB 07/11/2007	Thị trấn Núi Đèo
25	Đình chùa Trại Kênh	2174/QĐ - UB 07/11/2007	Xã Kênh Giang

26	Đình - Phủ từ Đông Môn	164/QĐ - UB 21/10/2009	Xã Hòa Bình
27	Đền Phò Mã		Thị trấn Núi Đèo
28	Đình Hạ Côi	162/QĐ - UB 21/01/2009	Xã Kỳ Sơn

**Danh sách các di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia trên địa
bàn huyện Thủy Nguyên**

STT	Tên di tích	Số, ngày, tháng, năm QĐ	Địa bàn của di tích
1	Cụm di tích Tràng Kênh - Bạch Đằng	313 VH/QĐ 28/04/1962	Xã Minh Đức
2	Đình - chùa Tây	310 QĐ/VH 13/02/1996	Xã Minh Tân
3	Chùa Dăng Trung; hang Vua; hang áng Vải	310 QĐ/VH 13/02/1996	Xã Minh Tân
4	Đình Tả Quan	3951 QĐ/BVHTT 20/12/1997	Xã Dương Quan
5	Miếu Thủy Tú	2307 VH/QĐ 30/12/1991	Thôn Thủy Tú, xã Thủy Đường
6	Đình - chùa Lôi Động	310 QĐ/VH 13/02/1996	Xã Hoàng Động
7	Đền - chùa Hoàng Pha	983 VH/QĐ 04/08/1992	Thôn Hoàng Pha, xã Hoàng Động
8	Đền Trinh Hương	2307 VH/QĐ 30/12/1991	Thôn Trinh Hương, xã Thiên Hương
9	Đền - chùa Trịnh Xá	97 VH/QĐ 21/01/1992	Thôn Trịnh Xá, xã thiên Hương
10	Đền Thụ Khê	310 QĐ/VH 13/02/1996	Thôn Thụ Khê, xã Liên Khê
11	Chùa Thiêm Khê	310 QĐ/VH 13/02/1996	Thôn Thiêm Khê, xã Liên Khê
12	Chùa Mai Động	310 QĐ/VH 13/02/1996	Thôn Mai Động, xã Liên Khê

13	Cụm di tích tưởng niệm trạng nguyên Lê ích Mộc	57 VH/QĐ 18/01/1993	Thanh Lãng, xã Quảng Thanh
14	Đền Quảng Cư	2307 VH/QĐ 30/12/1991	Thôn Quảng Cư, xã Quảng Thanh
15	Đình Thanh Lãng	57 VH/QĐ 18/10/1993	Thôn Thanh Lãng, xã Quảng Thanh
16	Miếu Phương Mỹ	97 VH/QĐ 21/01/1992	Thôn Phương Mỹ, xã Mỹ Đông
17	Đình Đồng Lý	57 VH/QĐ 18/01/1993	Thôn Đồng Lý, xã Mỹ Đông
18	Chùa Câu Tử Ngoại	57 VH/QĐ 18/01/1993	Thôn Câu Tử Ngoại xã Hợp Thành
19	Chùa Nhân Lý	983 VH/QĐ 04/08/1992	Thôn Nhân Lý, xã Cao Nhân
20	Đình Tân Dương	152 VH/QĐ 25/01/1994	Xã Tân Dương
21	Đình Kiên Bái	235 VH/QĐ 12/12/1986	Xã Đình Kiên Bái
22	Đền An Lư	1539 VH/QĐ 27/12/1990	Đền An Lư
23	Đình Chung Mỹ	2754 VH/QĐ 15/10/1994	Thôn Chung Mỹ, xã Trung Hà

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*- NXB Giáo dục.
2. Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông thế kỉ 13*.
3. Huyện ủy, UBND huyện Thủy Nguyên - *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Thủy Nguyên đến năm 2020*.
4. Huyện ủy, UBND, phòng giáo dục huyện Thủy Nguyên - *Thủy Nguyên quê hương em*- NXB Hải Phòng,1998.
5. HĐND thành phố Hải Phòng- *Kỷ yếu kỳ họp thứ VI hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa VIII nhiệm kì 2004 – 2009, năm 2006*.
6. Nguyễn Văn Đính cùng nhóm tác giả- *Kinh tế du lịch*, NXB lao động và xã hội Hà Nội, 2004.
7. Ngô Sĩ Liên- *Đại Việt sử ký toàn thư II*.
8. Nguyễn Minh Tuệ(chủ biên)- *Địa lý du lịch*, NXB thành phố Hồ Chí Minh.
9. Trần Nho Thìn- *Vào Chùa Lễ Phật*, NXB Hà Nội.
10. Trương Thìn(chủ biên)- *Lên Chùa Lễ Phật Đầu Năm*, NXB Thời Đại.
11. Phạm Trung Lương cùng nhóm tác giả- *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục 2000.
12. Tổng cục thống kê- *Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2006*.
13. Trần Đức Thanh- *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học QGHN,1999.
14. Đào Văn Tập- *Tự điển Việt Nam phổ thông*
15. Website: www.Haiphonggov.vn
16. Website: www.goole.com.vn
17. Website: www.sodulichgov.vn



Tháp Chùa Mỹ Cự



Ban thờ Phật chùa Mỹ Cự



Chùa Phù Lưu



Bia đá cổ chùa Phù Lưu



Ban thờ mẫu chùa Phù Lưu



Ban thờ Phật chùa Nhân Lý



Tháp chùa Nhân Lý



Chuông cổ chùa Nhân Lý



Ban thờ mẫu chùa Thiêm Khê



Nhà tổ chùa Thiêm Khê



Ban thờ Phật chùa Thiểm Khê



Ban thờ Phật chùa Hoàng Pha



Tam quan chùa Mai Động



Bảo tháp chùa Mai Động